

## **Tác Giả và Tác Phẩm**

### **Hoàng Cầm (I)**

#### **Tiểu sử**

Tên thật là Bùi Tăng Việt.

#### **Tác phẩm**

Lá Diêu Bông – Kiều Loan, Cô gái điên (kịch thơ, 1945)



tranh Trần Ngọc Tính

### **Mục Lục**

Vài hàng về tác giả – 2

**Những mối tình “chị em” – 3**

Hoàng Cầm Lá Diêu Bông – Hoàng Hải Thủy – 5

Cây Tam Cúc: khát vọng yêu thương... – Nguyễn Nguyên Tản – 14

Đi tìm người con gái trong vở kịch thơ của Hoàng Cầm ... – Ngữ Yên – 15

#### **Phụ đính I :**

**Chùm thơ Hoàng Cầm**

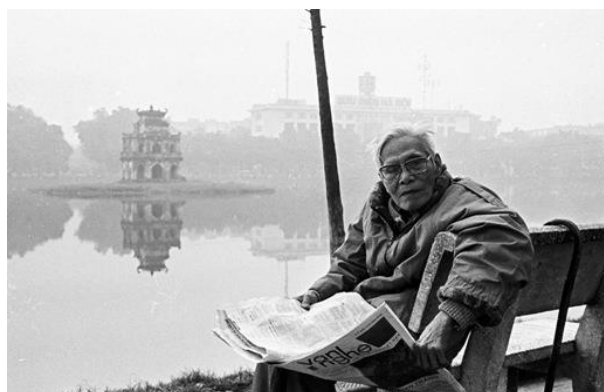
#### **Phụ đính II**

**Những bài thơ quê hương tôi – Hoàng Cầm: Trời bắt tội tôi yêu sớm**

**Thi Sĩ Hoàng Cầm: Hoàng tử lãng du – Những bài thơ mới của Hoàng Cầm**

*(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Vài hàng về tác giả



Khi nhóm Nhân Văn Giai lên tiếng ông nhiệt thành ủng hộ, Ông bị trừng phạt nặng, bị o ép, thậm chí cả tù đầy. Những ngày tháng này, tai họa này nối tiếp tai họa kia ập xuống đầu ông: Vợ chết, ít lâu sau, con gái chết theo.

Sự chịu đựng có hạn, thế nhưng đối với ông những bất hạnh đó thật vô hạn. Ông hoàn toàn sụp đổ, trở thành lẩn thẩn nhưng nhờ bạn bè chăm sóc, an ủi dần dần ông qua khỏi.

Với hoàn cảnh như vậy, ông vẫn lặng lẽ chịu đựng và viết. Tập thơ Về Kinh Bắc được ông sáng tác trong khoảng từ năm 1958 đến 1968...(ông bị bắt giam về vụ Nhân Văn Giai Phẩm, bị bắt lần thứ hai và giam ở Hỏa Lò ba năm vì tội chuyển tập thơ Về Kinh Bắc ra nước ngoài . Đặc biệt bài thơ Lá Diêu Bông ra đời năm 1959.

\*\*\*

Xuân Sách đã vẽ chân dung Hoàng Cầm trên nền xanh của chiếc Lá kỳ diệu không có thật này:

Em ơi buồn làm chi?  
- Em không buồn sao được!  
Quan họ đã vào hợp tác  
*Đông Hồ gà, lợn* nuôi chung  
*Bên Kia Sông Đuống* em trông  
Tìm đâu thấy *Lá Diêu Bông* hỡi chàng!

Lý Hồng Nhân  
(trích trong *Nhận Diện Chân Dung Nhà Văn* với Xuân Sách)

## Những mối tình “chị - em”

## Hoàng Cầm

*Lá diêu bông* là kỷ niệm những lần nô đùa ở cánh đồng gần nhà. Hôm đó, **chị Vinh** đi tìm một loại lá thuốc cho thầy u. Tôi lẻo đẹo theo sau hỏi: "Chị tìm lá gì đấy?". Biết tôi thích, chị đồng ý tuyên bố: "Đùa. Đứa nào tìm được lá đấy. Ta gọi là chồng". Tôi nghe vậy, cả người rạo rức hẳn lên, thích lắm. Kỷ niệm lần đó đã thành thơ tôi. Lá diêu bông, chả biết loại lá đấy như thế nào vì nó không có thật, chỉ có cảm giác ấm áp, nhẹ nhàng, mờ ảo...Chiều Hà Nội dường như lạnh hơn. Tôi và thi sĩ Hoàng Cầm, người được mệnh danh là "gã - trai - lơ" của Kinh Bắc một thời ngồi cạnh nhau, hàn huyên trên ban công nhỏ tầng 5. Ngày. Ông chỉ ăn 2 bữa, lúc cháo, lúc cơm. Rượu uống hết 6 chén, thuốc lào vẫn rít đều đặn. Riêng anh - chàng - bàn - đèn vẫn ngả nghiêng với ông vào mỗi sáng. Giọng ông đều đều: "Mình chỉ ngủ được 3-4 tiếng thôi, còn đâu là nghỉ. Nghỉ nhiều quá lại thấy buồn. Đôi lúc không muốn nghỉ nữa, nhưng kỷ niệm vẫn cứ ập về. Mình là nhà thơ nên cảm xúc nhiều. Khổ". Giọng ông đặc quánh mùi thuốc lào: "Váy Đình Bảng buông chùng cửa võng.../Chị thần thơ đi tìm/Đồng chiều/Cuống rạ/Chị bảo/Đứa nào tìm được lá diêu bông/Từ nay ta gọi là chồng". Dù tuổi đã 87, nhưng giọng thi sĩ Hoàng Cầm vẫn còn ít nhiều độ uyển chuyển, bổng trầm như vậy. Cụ ngồi vè vè thuốc lào, tìm chiếc bật lửa, lại châm đóm, lại rít một hơi dài, ánh mắt nhìn vào khoảng trời chiều, giọng từ từ...Trong cuộc đời mình, tôi có kỷ niệm đậm thắm với 13 chị. Các chị đều ở Bắc Giang, Bắc Ninh cả. Mỗi người đều là sự đánh dấu một quãng thời gian đáng nhớ trong tuổi ấu thơ hoặc thanh niên của tôi. Bây giờ tôi đã 87 tuổi rồi, nằm trên căn gác này, chả đi đâu được. Cứ định viết cái gì, tôi chỉ nghĩ được một lát là mọi thứ lại xoay tròn, mù mịt. Tôi biết, trí não mình đã yếu, nhưng cứ nhắc đến tên từng chị là những chuyện xưa lại trở về như mới hôm qua, hôm kia. Tiếc là bây giờ rất khó viết, chỉ có thể kể lại...

### **Mối tình lá diêu bông: "Tôi chẳng bao giờ cạn yêu"**

Hồi ấy, dù chỉ mới 5 tuổi, tôi đã biết chị đẹp, làn da trắng hồng, đôi mắt to thăm thẳm. Đứng đầu nhóm trẻ con trong phố, chị đi bất kỳ đâu chúng tôi cũng xoắn xuýt theo sau. Khu phố nơi chúng tôi ở gần sân ga, bãi cỏ rộng thênh thang là nơi để tha hồ vui nghịch. Chị tên Vinh, hơn tôi 8 tuổi, ở ngay trước nhà tôi, chung một con phố Như Thiết của tỉnh Bắc Giang. Tôi còn nhỏ nhưng đã thích gần người phụ nữ ấy. Chị đi bất kỳ đâu, tôi đều theo sát như chàng lính hầu cận. Bài thơ *Lá diêu bông* là sau này tôi viết tặng chị. Nếu biết tôi tặng, chắc chị cũng ngậm ngùi. Những ngày trăng sáng, chúng tôi thường theo chị ra bãi cỏ sau sân ga. Chị lớn nhất nên dẫn đầu, tổ chức hát quan họ, đối đáp, hát ví... Tôi dần quen dân ca từ đấy và thơ tôi cũng ảnh hưởng chất dân ca từ chị. Thời gian đó, tôi phải đi học xa nhà đến 3 cây số đường bộ. Tôi ở trọ nhà người bác họ. Cứ hai tuần, bố lại nhờ người lên đón tôi về. Mỗi bận về, tôi lại gửi vào tay chị lá thư với nét chữ nguệch ngoạc: "Chị ơi, em nhớ chị lắm, em muốn về, không muốn học nữa". Đọc xong, chị chỉ cười, nhét vào túi áo.

Năm tôi lên 10, gia đình chuyển đi nơi khác. Sáu tháng sau, chị lấy chồng. Sau này, tôi có viết câu thơ về chồng chị trong bài *Cây Tam Cúc*: "Quan Đốc đồng, áo đen nẹp đỏ". Chị Vinh và chồng có một cô con gái, nhưng 2 người đã chia tay. Anh chồng bắt mất cô con gái duy nhất ấy. Sau đó, chị vào Sài Gòn sống cùng mẹ, hai mẹ con bán hàng tạp hóa, cuộc sống cũng không khá giả gì. Thế rồi, tôi lại gặp chị Vinh trong một lần đi xem kỹ kịch làng bên. Khi ấy, tôi đã vào quân đội, còn chị thôi chồng. Chị héo úa nhiều, nhưng đôi mắt vẫn không thay đổi, bờ mi cong vút, ánh mắt thăm thẳm. Nhất là khi chị cười, đôi mắt luôn cười theo, cứ như là đàn bà, con gái lãng lờ vậy. Chị kể chuyện chồng con, gia đình trên suốt quãng đường về làng. Chị cứ xưng em, còn tôi máng át: "Sao lại xưng em? Chị vẫn là chị chứ?". Rồi hai chị em cùng cười. Lần thứ 2, chúng tôi gặp lại nhau vào năm 1987, lúc chị ra Hà Nội chơi với người em họ. Cậu ấy biết chuyện của tôi và chị nên thu xếp để chúng tôi gặp nhau. Khi này, cả hai cũng đã 70 tuổi cả rồi. Ngồi ôn lại kỷ niệm, tôi mới dám thú thật: "Ngày ấy, tôi mê chị quá, nhưng còn đang học, chẳng thể lấy nhau được". Sau lần ấy đến nay, tôi không có tin tức gì của chị nữa. Với chị Vinh, tôi chẳng bao giờ cạn yêu. Nếu có thể, giờ tôi vẫn muốn đi lại trên cánh đồng xưa, hái lá cho chị. Tình cảm tôi dành cho chị vẫn như thưở nào, như cậu bé chưa đầy 10 tuổi mơ được chị gọi "là chồng".

Kể đến đây, khuôn mặt ông trũng buồn, rầu rầu: "Đáng ra, mình không bị liệt một chỗ, đi bộ được sẽ tốt hơn. Đây chỉ nằm với ngồi ở nhà không, buồn lắm. Mà buồn lại lôi rượu ra uống. Hay các cậu làm vài ly với mình". Cụ chỉ mấy chai Vodka và rượu mơ trong góc nhà: "Nhớ phải người đúng rượu hay không nhé! Kẻo lại nước lọc con cái nó để nhầm chỗ đấy". Cụ rót ra 4 chén rồi nâng lên: "Nào! Chạm cái. Hồi trẻ mình uống được nửa chai Vodka này, giờ thì ít hơn, chỉ 6 chén thôi". Thi sĩ Hoàng Cầm cứ bảo mình quá già rồi, sống lâu, buồn chán lắm. bạn bè đi hết, còn ông cứ nằm, ngồi đây. Rồi nghĩ, nghĩ về ngày xưa, nghĩ chán đến mức không muốn nghĩ, nhưng chẳng vút khỏi đầu được. Đầu cứ ong ong lên, rồi mọi thứ rối lung búng. Chân tay tê tê, buồn buồn nhưng nhức bên trong. Rồi lại... bạn bè ít qua thăm lắm, thằng mới thấy vài người đến. Ra ngoài cũng ít, vì mỗi lần đi ông lại phải nhờ vả con cái, ngại phiền chúng nó. Cứ nghĩ chúng phải bê vác mình từ tầng 5, xuống tầng 1, rồi lại cho lên xe đẩy nên ông ngại. Chỉ khi nào có việc ở Hội nhà văn, ông mới nhờ. Rồi lại... nâng ly, nâng ly, làm thêm một hợp, giọng xa xăm...

### **Mối tình em 17, chị 19**

năm 1938, tôi mới 17 tuổi. Học cao đẳng Tiểu học ở thị xã Bắc Ninh, tôi ở trọ nhà một bà nọ. Gia đình này thuộc diện trung nông, khá giả, vẫn còn nhà ở làng Đại Tráng, cách nơi cho thuê trọ tại tỉnh Bắc Ninh 2km. Bà chủ tốt, tôn trọng các cậu học sinh, gia đình cũng vào lớp người có học nên cư xử rất lịch sự. Buổi trưa nọ, gần 11h, tôi thấy một cô gái mặc đồ nông dân, gánh gạo vào nhà. Ban đầu tưởng bà chủ mua gạo, lúc sau tôi mới biết đó là con gái chủ nhà. Lúc cô ấy vừa đặt quang gánh xuống, tôi thấy đẹp quá! Trông lại mộc mạc, quê mùa, thêm những giọt mồ hôi trên những khuôn mặt hồng hào, đôi mắt to đen lay láy, sao lại có cô gái nông thôn xinh thế! Không hiểu sao tôi chú ý và bắt chuyện rất tự nhiên. Bà chủ nói: "Em nó tên Nghĩa, năm nay 19 tuổi". Tự dưng tôi tò mò muốn biết về con người chị Nghĩa, chị sống thế nào, đạo đức ra sao...? Nhưng biết hỏi ai? Thình thoảng, tôi chỉ loáng thoáng nghe bà chủ kể thưở bé em nó thế nào, làm lụng ra sao, thoảng thoảng thôi, nhưng thấy quý lắm.

Hai người cháu gọi bà chủ bằng bác là anh Thiệu (hơn tôi một lớp) và anh Kỷ (học cùng lớp) ngày nghỉ lại hẹn nhau về Đại Tráng chơi, bàn nhau mua cái gì nấu ăn. Mỗi lần về. Chị Nghĩa lại ra đón. Chúng tôi nhanh chóng thân thiết. Muốn ăn gì, cứ nói, chị nghĩa sẽ chiều tất. Tôi chưa tìm hiểu nhiều nhưng thấy có gì đó lạ lạ, khác thường. Độ ấy mùa rét, mỗi lần tôi về, chị lại bảo: "Cậu ơi, vào trong bếp ngồi cho ấm, ngoài sân lạnh lắm". Chị cố tình kéo tôi vào, lấy ghế hoặc rải rơm cho ngồi. Chị cứ làm, còn tôi ngồi cạnh. Trong bếp, trông chị càng xinh đẹp, lừ lừ làm ửng hồng thêm má và long lanh thêm đôi mắt, không có gì nhiều để nói, nhưng tôi luôn cảm thấy ấm cúng, gần gũi. Có những hôm tôi đi học về lúc chiều tối, đến cổng đã thấy chị thờ thẩn ở đó, tay cầm cái liềm, hình như có ý đợi. Chị âu yếm hỏi: "Cậu về rồi à? Có rét không? Thôi vào bếp đi, mình nướng mấy củ khoai ngon lắm. Chắc chín rồi...". Cả hai lại vào bếp, chị cời trong tro than ra củ khoai nướng còn nóng, bóc vỏ cho tôi ăn. Giờ nhớ lại, tôi như thấy hình ảnh ấy trước mặt.

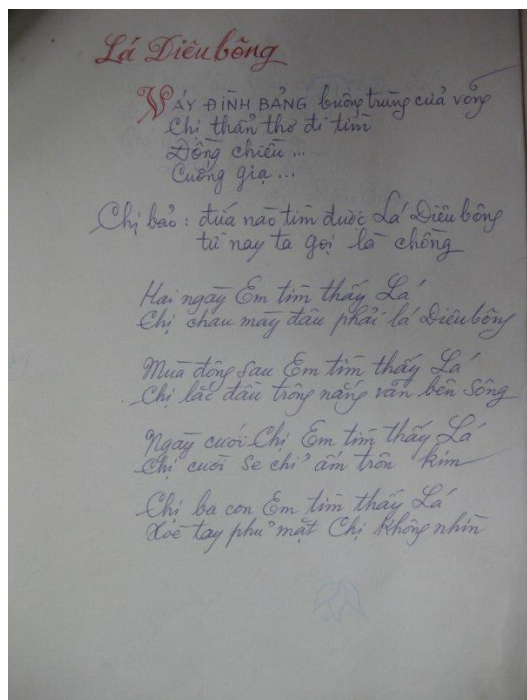
Tôi ra Hà Nội học, không mấy khi về, thư từ cũng chẳng gửi, mãi vui bạn bè, học hành nên nhãng đi, trong lòng lại không có ham muốn theo đuổi gì. Tôi lơ là với địa điểm ấy, ngôi nhà trọ, làng Đại Tráng. Một năm sau, khi học tú tài toàn phần năm thứ nhất, tôi gặp người bạn, anh ấy hỏi: "Dạo này có gặp cô Nghĩa không?". "Lâu rồi mình không về đó". "Cô ấy lấy chồng rồi, cậu biết không?". "Vậy à, sao nhanh thế?... Còn nhớ một lần, tôi để quên cái va li nhỏ ở nhà trọ. Nhân dịp về chơi, tôi ghé thăm, gặp chị, vẫn thấy thân quen như ngày nào. Nghe chị trách: "Sao từ lúc thôi học ở đây, anh không xuống nữa?", tôi chỉ ậm ừ. Khi tìm thấy va li, tôi định ra về nhưng chị giữ lại: "Cậu ngồi chơi đã. Lâu lắm rồi không xuống". "Thôi để em về. Năm nay học nhiều lắm, không ở chơi được". Dù khá đẹp trai nhưng dạo đó tôi nhút nhát lắm, thường bị trêu là "dát gái". Giá như hôm ấy đi với anh Thiệu anh Kỷ lại khác, đảng này chỉ có một mình, tôi bảo: "Thôi, chị về nói với mẹ, em xuống thăm nhưng mẹ không có nhà". Tự dưng chị có cử chỉ rất lạ, cứ ôm lấy tôi: "Không, cậu phải ở lại, tí nữa cậu Thiệu với cậu Kỷ sẽ về", rồi nắm cái va li giằng lại." Không, em phải đi mà". Ngôi nhà 5 gian vắng lặng, sân gạch rộng mênh mông, nếu như người khác, chắc đã có gì rồi... Giằng co một lúc lâu, dường như thấy tôi kiên quyết quá, chị đành bỏ tay ra. Tôi từ biệt, không ngờ đó là ngày định mệnh để chẳng bao giờ hai đứa đến gần nhau.

Hết nghe tin chị lấy chồng, tôi lại được tin bố chị mất. Tôi về, chị ra đón, tỏ vẻ săn sóc ghê lắm. Khoảng 7,8 giờ tối, một bà cô lấy chồng ở Phật Tích xuống lo tang ma cho anh trai chột đứng lên, cố ý hỏi thật to: "Cậu Tân có nhà không nhỉ?". Không ai trả lời. Bà gọi to lần nữa, một đứa cháu nói với lên: "Cậu đi vắng rồi ạ". "Bảo cậu ấy lôi con Nghĩa ra, đánh cho nó một trận. Làm sao bố chết mà suốt ngày chỉ nhìn con giai, cứ chờ đẫn ra như thế này?". Tôi hơi chột dạ, sao bà tinh ý thế, chú ý cháu từng tí một. Tôi xuống nhà ngang, ở đó có buồng, có bàn và giờ sách ra đọc. Chị bước vào và hỏi: "Hôm nay cậu có bận gì không?". "Không, em xuống với bác, mai lại về". "Cậu không ở chơi được mấy hôm à?". "Em bận học". "Thôi, ở chơi mấy hôm đi, nghỉ hè rồi còn gì". Tôi nói với chị là phải chuẩn bị cho việc học sang năm. Cả ngày hôm sau, chị cứ quần quýt bên tôi như có gì hút vào. Mỗi lần bà cô vào hay quanh quẩn ở đó, chị lại lảng đi.

Đến lúc từ biệt, chị vẫn muốn giữ và tôi vẫn quyết đòi về vì phải ôn thi vào trường Bưởi. Nhưng rồi tôi thi trượt phải vào trường Thăng Long. Lúc ấy, tôi rất mê học, chẳng muốn rời sách vở và đặc biệt không ham chuyện luyến ái nam nữ. Từ đó, hầu như chúng tôi không gặp nhau nữa, chỉ có vài dịp hỏi thăm, nếu tình cờ gặp bạn cũ. Riêng lần giỗ đầu bố chị, tự dưng tôi nhớ nên về thăm làng Đại Tráng. Không hiểu sao có chồng rồi mà chị Nghĩa đối xử với tôi rất tự nhiên. Trời rét, chị thân nhiên kéo tay tôi, bảo đứng ngoài này lạnh lắm cậu ạ! Vào bếp cho ấm. Thế là lại quay về tình tứ, ý nhị hôm nào, tôi và chị ngồi bên nhau trong gian bếp ấm cúng, trước ánh lửa, chị càng đẹp, càng vốn vã, đằm thắm. Rồi mọi người cũng đi học cả, không có chuyện gì để lôi kéo tôi về nữa. Hình như dạo ấy, anh em có lờ mờ biết tình cảm giữa tôi và chị. Khi tôi gặp lại người bạn cũ, anh ấy bảo: "Chị Nghĩa để mấy đứa rồi!". Tự dưng tôi chả thấy vui...

Trời về khuya, tiếng chuông Nhà thờ lớn rung sát mái vòm, ngân nga, xa vắng. Tôi chào tạm biệt chàng Casanova một thời, tạm biệt căn phòng mười mét vuông tràn ngập nắng gió, tạm biệt giọng thơ day dứt tê lòng của gã trai lơ thưở ấy mà câu thơ vẫn chưa thôi vương vấn: "Từ thưở ấy/Em cầm chiếc lá/Đi đầu non cuối bể/ Gió què vi vút gọi/Điều bông hời.../...Ồi điều bông...". 13 bóng hồng xưa ấy giờ nơi nao, hay kẻ nắm đất, kẻ phiêu bạt xứ người... Liệu có còn ai đau đau cùng cố nhân?

## Hoàng Cầm Lá Điều Bông Hoàng Hải Thủy



Những người yêu Thơ Hoàng Cầm đều biết những bài thơ tình hay nhất của ông: Lá Điều Bông, Qua Vườn Ồi, Cây Tam Cúc, Nếu Anh còn trẻ... Nhiều người thắc mắc không biết ở đồng làng Đình Bảng — Váy Đình Bảng buồng chùng cửa võng.. nên nghĩ là hai Chị Em buổi chiều đông xưa đó theo nhau đi ở cánh đồng làng Đình Bảng — có cái lá gọi là lá Điều Bông thật không, đi tìm lá Điều Bông để làm gì? Trong đời Thi sĩ có một người chị như ông thường nhắc đến trong thơ thật hay không? Thi sĩ Hoàng Cầm trả lời người yêu thơ ông những câu hỏi ấy trong bài "Tám Nhịp Tuần Du", viết năm 1992. Tôi trích một đoạn trong bài ấy

Tám Nhịp Tuần Du Văn xuôi Hoàng Cầm. Nhà Xuất Bản Văn Học, phát hành Tháng 12 năm 1999. Trích:

...Nói chung hầu hết những bài thơ của tôi được đọc giả ưa thích trong nhiều năm, bao giờ cũng bắt đầu một cách vi diệu là "từ ngoài tôi", vắng lên đôi ba câu nghe rất rành rẽ, giọng phụ nữ lãnh lót mà rất xa, như hát mà như đọc.

Như một tia nước trong vút phun lên từ ruột đất khi chúng ta thăm dò mạch nước ngầm để đào giếng, khi đã có đôi ba câu văng lên bên tai, tôi ghi ngay, bắt lấy ngay và từ đó là tình cảm, suy tư cuộn cuộn trong người, tôi thường tiếp được mạch ban đầu ấy và nối liền các đợt sóng tuôn trào cho đến khi trong người thấy yên ắng, nhẹ nhõm là bài thơ cũng hoàn tất. Ví dụ như bài thơ dài Bên Kia Sông Đuống (tôi đã viết rất tỉ mỉ, thuật lại những trạng thái của tâm tư mình trước lúc bật ra thơ.) tôi đang ở trong trạng thái bồn chồn, thao thức, tâm tư rối bời sau khi nghe báo cáo về quê hương mình bị giặc xâm lược kéo lên tàn phá, giết chóc, tôi chưa định viết gì, lúc quá nửa đêm vắng lặng, bỗng văng vẳng bên tai ba câu:

*Em ơi buồn làm chi*

*Anh đưa em về sông Đuống*

*Ngày xưa...cát trắng phẳng lì*

Tôi bèn chộp lấy, ghi ngay và cứ thế cảm xúc trào ra một mạch dài, viết rất nhanh, sợ không theo kịp những âm thanh, làn điệu đang cuộn cuộn dâng lên trong lòng mình. Cho đến gần sáng thì xong bài thơ, một trong những bài được các bạn già, trẻ, nam, nữ yêu mến đã gần nửa thế kỷ. Những bài thơ như vậy, thường là không theo một ý nghĩ nào định trước, tác giả giống như một cậu học trò viết chính tả, lúc đầu là có tiếng đọc rành rọt bên tai, sau là viết theo tiếng đọc âm thầm từ trong tâm can mình, ở những trường hợp ấy tôi không hề cẩu thả, nghĩ ngợi gì về câu, chữ, không theo một luật nào của thi pháp về thanh điệu, ngữ điệu gì hết. Tôi chỉ tuân theo nhịp rung động của toàn thân, cả tâm hồn và thể chất, kích ất.

Đặc biệt, riêng, riêng có bài thơ Lá Diêu Bông, duy nhất một bài này là những lời văng bên tai, từ đầu chí cuối, quá nửa đêm mùa rét 1959, trên giường ngủ, trong ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn ngủ 6 oát, bên cạnh người vợ đang ngủ ngon và các con những giường bên cũng đang ngủ say, tôi không gây một tiếng động khả dĩ làm mất giấc ngủ của những người thân. Đêm nào, khi lên giường nằm, tôi cũng để sẵn một tập giấy trắng và cái bút chì. Nếu ngủ được thì càng tốt, nhưng thường về đêm, tôi cứ hay bị thao thức, trằn trọc vô cơ. Chẳng có chuyện gì phải lo nghĩ, chẳng có ý định gì trong đầu mà sao về quá nửa đêm một mùa rét ấy tôi vẫn không ngủ được. Bốn bề yên tĩnh. Nhà tôi ở vào một phố nhỏ, lại lùi tít vào phía trong, nên tiếng xe cộ thưa thớt ngoài đường cũng không lọt vào tai lặng. Chợt bên tai văng lên một giọng nữ rất nhỏ nhẹ mà rành rọt, đọc chậm rãi, có tiết điệu, nghe như thời nào xa xưa vẳng đến, có lẽ từ tiền kiếp vọng về. Váy Đình Bảng buông chùng cửa võng...

Tôi xoay người trong chăn về phía bên trái và ghi ngay. Giọng nữ vẫn đọc, không vội vàng mà cũng không quá chậm, và tôi ghi lia lịa trong bóng tối mờ. Đến lúc giọng nữ im hẳn, lòng tôi nhẹ bẫng hẳn, một lát sau tôi ngủ thiếp đi. Sớm hôm sau nhìn lại thì có chỗ rõ, đọc được, nhiều chỗ dòng nọ đè lên dòng kia, chữ nọ như xóa mất chữ khác. Phải mất gần nửa tiếng đồng hồ tôi mới tách được ra theo thứ tự đúng như những lời người nữ kì diệu nào đó đã đọc cho tôi viết nửa đêm hôm qua. Bài Lá Diêu Bông ra đời như vậy, nói có người không tin, nhưng tôi nghĩ bây giờ khoa tâm thần học, vô thức luận, tâm linh học có thể lí giải được hiện tượng đó một cách rất khoa học.

Vậy nên, cái Lá diêu bông là cái lá gì, ở đâu, nào tôi có biết. Thần linh đọc diêu bông, tôi chép diêu bông, thế thôi. Nhưng nó có nguồn gốc của nó đấy. Năm 12 tuổi, tôi say mê một người con gái láng giềng hơn tôi những 8 tuổi. Chuyện từ năm lên tám, tôi đi trọ học trên thị xã Phủ Lạng Thương, chiều thứ bảy, mười phút xe lửa lại đưa tôi về nhà, ở cái phố ga xép Như Thiết, tên chữ nhà ga đề là Núi Tiết, thực tên là Thiết Sơn, một tổng thuộc huyện Việt Yên. Phố ga ấy cách Hà Nội 44 km. Còn 6 km thì qua cầu sông Thương (con sông Thương nước chảy đôi dòng), tới ga Phủ Lạng Thương. Đường số 1 chạy qua trước cửa nhà, sau lưng là đường hỏa-xa Hà Nội-Lạng Sơn. Nhà tôi có tủ thuốc bắc của ông bố, có đôi bồ hàng xén của bà mẹ. Một chiều thứ bảy, khoảng hơn 4 giờ, tôi về nhà thấy một cô gái đang mua gì của mẹ tôi. Khi cô ấy ngừng đầu lên, nhìn ra đường thì cậu bé lên tám choáng người, như sau này người ta thường gọi là coup de foudre. Người con gái đẹp đến mê hồn. Rồi thứ bảy sau về nhà, tôi trao bức thư tỏ tình đầu tiên viết bằng thơ lục bát, dài hơn một trang giấy kẻ học sinh trên có vẽ hoa bướm, một vài ngọn núi, một dòng sông với chữ viết bằng mực tím, nắn nót: "Em gửi Chị Vinh của Em". Ấy, sở dĩ mới bé tí đã làm được một trang thơ lục bát vì ở trên nhà trọ chỗ thân tình với bố tôi, chủ nhà chính là cái ông xép cái ga xép Núi Tiết

ấy, gia đình ông trên tỉnh đông con, làm nghề hàng xay, hàng xáo, đêm nào cũng xay lúa, giã gạo rồi quạt xậy đến khuya Tôi học bài, làm bài xong, tuy buồn ngủ, các anh, các chị cứ bắt xuống nhà ngang, từ 9 giờ tối, đêm nào cũng phải đọc đủ thứ chuyện dân gian, in khổ nhỏ, bán rẻ từ 2 xu đến 1 hào, đủ các loại truyện, thể thơ lục bát, từ Trê Cóc đến Truyện Kiều, từ Nhị Độ Mai đến Hoa Tiên, rồi Lục Vân Tiên, Hoàng Trừu, Thạch Sanh, Phạm Công-Cúc Hoa, T ống Trần-Cúc Hoa..Vi thực ra, ngay từ bé, tôi sớm có giọng hát hay, ngâm thơ cũng hấp dẫn người nghe lắm. Đọc hết lượt, phải đọc lại Thể thơ lục bát thấm vào người từ nhỏ, mình lại bẩm sinh yêu thích thơ ca, nên tôi có viết bức thư tình gửi người gái Kinh Bắc, người Chị làm Em say mê ngỡ ngàng suốt năm năm ấy, mà thư tình lại viết bằng thơ lục bát thì hẳn không phải là điều gì đáng ngạc nhiên phải không, thưa các bạn? Tôi mê say Chị, Chị đi đâu Em theo đấy, chỉ còn biết gọi Chị ơi chứ còn biết nói gì hơn. Người gái tuyệt sắc ấy con một nhà nho chẳng may chết sớm, ba mẹ con, mẹ góa con cô, đèo bè nhau lên cái phố xép này mở ngôi hàng bán kẹo bánh, nước chè tươi, nước vối, cả bánh đa, bánh đúc, bánh mật, bánh khoai. Chị Vinh vẽ chữ nhỏ, đọc thông quốc ngữ, người quê gốc cũng Tiên Du, nên hát quan họ thì làm mê người ta ngang với nhan sắc của chị. Chị cũng thừa biết thằng bé con này, (tên khai sinh là Bùi Tăng Việt, chỉ đơn giản là tôi ra đời ở thôn Phúc Tăng, huyện Việt Yên, Bắc Giang, nơi bố tôi ở nhờ để gõ đầu trẻ) biết thằng bé con này nó mê đắm mình, nên chị cứ hay trêu đùa, lắm lúc tôi phát khóc, nhưng cũng nhiều giờ phút tôi có một niềm hạnh phúc không có gì so sánh nổi là được chị Vinh cho ngồi sát bên Chị, châu rìa những cuộc chơi tam cúc ngày Tết, ngày xuân hay ngày hội Ch ị thường nhờ những đêm trăng sáng vào mùa hè, mùa thu, tổ chức những đám thanh niên tụ tập ở cái bãi sau nhà ga, hát ví, hát trống quân, hát ống, hát giao duyên, hát vắn đáp, đặc biệt về môn quan họ thì Chị là bà chúa của dân ca! Giọng ng ọt, say như mật ong, đôi mắt đen buồn thăm thẳm với hàng mi cong và dài, má luôn luôn ửng đỏ, môi luôn luôn đã hồng lại còn cắn chỉ quét trà, răng đen cũng rưng rức hạt nạ Chị Vinh ơi, viết đến đây, em vẫn bồi hồi nhớ từng sợi tóc chị dán trên vầng trán, từng con mắt chị lúng liếng tình tứ, từng giọng hát, từng lời nói, từng nụ cười, em còn nghĩ thấy hơi tóc ảm của Chị thoảng mùi hương nhu mới gội buổi chiều, mà nếu Chị buông tóc dài quá đầu gối để hong khô thì cả suối tóc ấy làm thành thế giới mê say của riêng em từ độ ấy đến ngày nay, dẫu tóc em đã trắng hết, em vẫn có thể vẽ đúng chân dung Chị tuyệt vời nếu có người chỉ dẫn cho em đôi điều cơ bản về hội họa Ảnh Chị in màu trong hồn em, không một nhà khoa học nào có thể làm ra cho em được những tấm ảnh như em đang có, vẫn còn đầy đủ và tươi tắn, nguyên vẹn từ hơn sáu chục năm rồi đấy, Chị ơi!

Tình cảm Em với người Chị ấy, sơ lược là thế. Tôi sẽ viết tỉ mỉ hơn nhiều trong tập hồi ký sau này, để một số bạn ở xa quê hương hiểu kĩ về thơ tôi hơn, tránh được những điều bình luận sai lạc. Trong tập Về Kinh Bắc thì hai nhân vật Chị và Em ấy đã xuyên qua năm tháng và không gian, qua gió mưa và nắng đẹp, qua biết bao biểu hiện của tâm tư, của số phận, mà trời lên vẫn là cái sầu đơn phương, cứ vương vấn mãi, cho tôi nhớ mãi một kiếp này, biết đâu còn xót xa yêu thương vào tận kiếp sau..Kiếp sau nữa. Vậy thì chỉ mới sau vụ Nhân Văn-Giai Phẩm có một thời gian ngắn, thơ tôi đã lùi về quá khứ, chẳng biết có phải ẩn dụ, ẩn diếc gì chẳng, chỉ có điều là qua 48 bài tôi không một phút nào nghĩ đến thời cuộc chính trị và xã hội trước mắt. Tôi chìm về một quê hương xa, có thực mà như ảo ảnh, là ảo ảnh mà tưởng như gần gũi đâu đây, cứ chập chờn năm tháng và bảng lảng trời mây, xanh mơ mong manh màu kỷ niệm pha chút tím của tiếc hận, chút hồng của tuổi thơ, chút biêng biếc thắm của say mê, não nùng, của thương cảm không có bến buông neo, và nhìn chung chỉ thấy con mắt của thời gian không hề suy sụp đến một sợi mi cong..Như gần đây tôi đã phải thốt ra: “Mất thời gian càng miên man xanh..”

Rồi Chị Em đi Về Kinh Bắc, lúc thì đổ lá Diêu Bông, lúc vào Vườn ổi, lúc Đánh tam cúc, lúc lên Ngọn Sông Thương, lên tit Ngọn Kỳ Cùng, lúc Đếm sao, Đếm nắng, Đếm giờ, Em cứ Theo Đuổi Chị qua hội hè rồi qua cả những tàn tạ của cảnh vật và lòng người, cho đến mùa rét năm 1934. Cái Lá Diêu Bông bắt nguồn từ buổi chiều năm ấy, hình như vào dịp nghỉ lễ Thiên chúa Giáng sinh, những bốn năm ngày liền tôi về nhà, nghĩa là cứ nghỉ học là tôi về ngay nhà với niềm say mê đơn phương, một chuyện tình có Chị, có Em mà tôi vẫn chỉ là một khối cô đơn lẻo đẻo bụi hồng. Tôi đã 12 tuổi và chị Vinh đã 20. Và chiều mùa đông ấy, nắng hanh vàng rộm. Trời xanh trong màn sương

cực mỏng không một gợn mây Heo may se se lạnh. Chị mặc váy kiêu Đình Bảng, áo cánh lụa mờ gà đã cũ, có mảnh vá trên vai, ngoài bó chèn lưng ong bằng cái gi-lê tím, sờn rách, chiếc yếm màu cánh sen nhạt, dây thắt lưng hoa đào, chị thoăn thoắt đi ra ngoài cánh đồng, ngày ấy lúa đã gặt hết. Cả cánh đồng rộng đầu cái phố ga xép ấy chỉ còn trơ những cuống rạ tít tắp đến chân dãy núi Neo. Cậu bé em 12 tuổi, vốn dĩ lúc nào cũng trông ngóng, ngó nhìn, chờ Chị, thấy Chị đã bỏ cửa hàng chiều vắng khách, mặc cho đứa em trai lên sáu ngồi xua ruồi hoặc ăn vụng cái kẹo vừng, rồi thấy Chị bước nhanh ra cánh đồng, đương nhiên là cậu em theo ngay, và bất kì đi theo Chị ở đâu, đến đâu cũng chỉ cách sau lưng Chị có ba bước. Chị đi trên bờ ruộng, cứ vạch từng búi cỏ đầu bờ hoặc từng đám cây hoang dại trên mấy cái gò nhỏ giữa đồng và cắm cúi tìm...Tìm...Em chả biết Chị tìm gì vậy. Em cứ theo sau, không hỏi, không nói, trống ngực cứ thì thùng từng phút giây theo đuổi, miệt mài lâng lâng say Lâu lắm, bỗng chị đứng thẳng người quay mặt nhìn Em, rồi nói, như một lời trách, như một lời quở mắng, lại như một lời mình nói với chính mình ( gần 60 năm rồi hôm nay tôi còn nhớ như in từng lời trong bộ não đã hơi suy, trong tấm lòng may thay vẫn là tấm lòng 12 tuổi): “Ơ hay! Sao mày cứ theo tao lằng nhằng mãi thế thế nhỉ?” Máu Em dồn lên nóng ran khắp người, hẳn là cậu Em đang đỏ mặt, môi Em run run không nói lại với Chị được nửa lời. Hình như Em thoáng thấy Chị mỉm cười, rồi Chị lại bước qua bờ ruộng khác, vẫn tìm, tìm mãi. Nắng đã sẫm dần. Mãi sau, Em mới bạo dạn hỏi:

— Chị Vinh ơi! Chị tìm cái gì thế?

Chị Vinh quay phắt lại, hình như má Chị hồng hơn lúc nãy. Chị nhìn thẳng, nhìn xoáy vào mắt Em và hơn 60 năm rồi tôi vẫn còn nhớ cái miệng như vẽ rất tươi của Chị đậm nét một nụ cười trêu cợt rất kiêu sạ Chị nói, cũng một giọng bỡn cợt như thách đố, như đùa vui trên gheo:

— Ừ, chị (các bạn chú ý giùm tôi cách thay đổi chủ từ trong câu nói của Chị) Chị đi tìm cái lá...áý đấy, đứa nào tìm được cái lá... áý (Chị càng cười càng tỏ vẻ trêu cợt) ta gọi là chồng!

Các bạn ơi, nghe vậy, tim tôi như lặn đi, ngừng lại vài giây rồi đập rất mạnh, người tôi nóng ran lên trong lúc xế chiều càng lạnh. Lúc đó, Chị nói tên một cái lá có lẽ có thật, chỉ mấy năm sau thì tôi quên bẵng,thôi thì hôm nay tôi cứ gọi cho nó có tên như chị đã gọi tên, Lá Thanh thảo hay Đài bi chẳng hạn hoặc gọi “lá tai voi”, “lá mắt nai” gì đó, xin thú thật với các bạn là ít lâu sau buổi chiều mùa rét ấy, tôi không nhớ nữa. Nhưng ngay lúc bấy giờ, sau cơn nóng bừng toàn thân ập vào tận đáy thẳm tâm hồn ấy, tuy mới 12 tuổi, tôi cũng đã nghĩ ngay ra rằng cái lá ấy rất hiếm, ở những vùng nào nhiều đồi núi, khe suối cơ, may ra mới tìm được, mà tìm lá ấy chắc là để chữa khỏi một cái bệnh gì hiểm nghèo nguy kịch hoặc có khi lại lấy lá vò nát ra, hay giã kỹ lấy nước xoa lên khắp mặt sẽ làm cho da dẻ tươi hồng, mịn màng lên. Nhưng hẳn là khó tìm lắm lắm, chẳng thế mà Chị đi hết bờ này, bãi nọ, gần cả một buổi chiều, có thấy được đâu! Cái lá oái oăm thế! Chị mới trêu đùa thằng bé mà Chị biết là nó đang say mê mình, nó “phải lòng” mình từ năm năm nay rồi...còn gì! “Đứa nào tìm được...ta gọi là chồng!” Chị Vinh ơi, bây giờ Chị ở cõi nào, nếu còn sống, chị cũng đã gần tám mươi đấy chứ, sao hôm nay Em đã ngoài bảy mươi, lúc Em viết những trang nhớ lại này, Em hoàn toàn vẫn là đứa Em 12 tuổi đang theo Chị và Chị vẫn đang tuổi hai mươi, ngoài cánh đồng làng Như Thiết ấy, Chị vẫn trẻ đẹp diệu kỳ, Chị ơi! (...)

Trở lại mùa rét năm 1959, nghĩa là đúng một phần tư thế kỷ đã qua sau cái chiều mùa đông có Chị có Em trên cánh đồng quê Chị tìm lá rồi..Chị đó lá...”Đứa nào tìm được... ta gọi là chồng..” Và bài thơ duy nhất trong đời làm thơ của tôi do thần linh giọng nữ cao đọc từ đầu đến cuối cho tôi chép như viết chính tả. Còn một số bài khác như Cây Tam Cúc, Qua Vườn Oại, Cỏ BồngThi, Bên Kia Sông Đuống, Chùa Hương, Về với ta. Những bài thơ cũng được nhiều bạn đọc ưa thích trong nhiều năm thì bao giờ cũng ra đời trong đêm và vài ba câu đầu bao giờ cũng không phải là của tôi nghĩ ra, mà đúng thật là nh ững lời văng vẳng bên tai như có một giọng nữ đang hát, hay đang đọc có nhịp điệu, có tiết tấu mà tôi cứ xin gọi là lời của thần linh đọc cho mình chép lại được. Nếu chợt nghe mà lười biếng, hoặc chủ quan nghĩ rằng để sáng mai sẽ ghi lại ra giấy thì chỉ một vài phút sau muốn nhớ lại, không tài nào nhớ nổi một chữ, đừng nói là cả ba bốn dòng...



Trong đời làm thơ của tôi, thời trai trẻ, tôi đã mất khá nhiều những câu thơ “xuất thần” bất chợt trong đêm khuya, lúc chưa ngủ được nên từ hồi đầu kháng chiến chống Pháp, tôi đã rút kinh nghiệm, cứ đến giờ (thường là gần nửa đêm), lên giường ngủ, bao giờ tôi cũng để phía tay trái mình một tập giấy trắng và tay phải cầm sẵn cái bút chì học sinh. Hễ không ngủ được, tâm tư lan man đâu đâu, gì gì đó, mà bỗng nghe văng một câu, dẫu chỉ là một câu bằng quơ, tôi phải ghi ngay lập tức. Lười một tí thôi là mất đứt. Mà thường lại là những câu thơ rất có sức gợi cảm. Dẫu tiếng văng vẳng đã tắt, mà còn gợi cảm thì cảm xúc bật trào ra ngay, tôi viết tiếp bằng cảm xúc của mình. Y như đã có tia nước phun lên thì phải tiếp tục đào đất, chắc chắn sẽ có cái giếng đầy nước. Lúc đó thì cả ba loại thơ (Như các nhà phê bình văn học Trung Quốc đã đúc kết thành lý luận về Thơ) là ngôn thi, tâm thi và thần thi đều có thể xuất hiện trên trang viết. Và cùng lúc đó thì có ba cái “thức” cùng phải hoạt động, phải làm việc cho thơ. Đó là ý thức, tiềm thức và vô thức. Cũng đủ cả một cặp: trí thức và tâm thức nữa. Ở trong tôi thì luôn luôn cái tâm thức làm việc nhiều hơn trí thức, nhất là với toàn tập Về Kinh Bắc, tôi đã huy động tất cả các lực lượng của mình. Cả thể lực, trí lực, tâm lực và đương nhiên ở tôi, thần lực thường tự động làm bật ra rất nhiều những lời thơ, lắm khi tưởng như vô nghĩa, mà ngay chính bản thân tôi cũng không hiểu những từ ngữ mình viết ra mang ý nghĩa cụ thể gì. Ai hỏi tôi Lá Diêu-bông, Cỏ Bông-thi là lá gì, cỏ gì, ở đâu? Tôi chịu không giải thích được. Ngay cả nhiều sinh viên khoa Văn ở Hà Nội cũng đã hỏi tôi: “Miếu Hai Cô” là ở đâu Hai cô nào Tại sao lại thờ? Hoặc Cầu Bà Sấm là trên con sông nào, Bến Cô Mưa là ở khúc nào của con sông nào, tôi cũng chịu không có lời giải đáp.

Tôi nghĩ rằng trong lĩnh vực thơ ca, những khúc hát hay, những bài thơ, những câu thơ hay thường rất khó giảng được hết cái hay của nó. Vì ngoài ý nghĩa cụ thể của từng câu, từng chữ, thơ lại còn nhạc điệu, mà theo tôi nhận xét, nhạc điệu và âm ngữ trong một bài thơ ại chính là chiếc xe chở cái hồn của bài thơ đi để nhập, để hòa với hồn người đọc. Và người xưa cũng đã nói từ lâu đến “Thi tại ngôn ngoại”. Thơ đã có ý là để hiểu Nhưng thơ lại còn cái tứ. Cái tứ ở đâu ra? Từ chữ, từ âm vận, rồi âm điệu. Cái tứ của thơ phải đọc được ở ngoài lời. Có nhiều bài thơ mang một tứ rất lạ, rất khó giảng, khó bình, mà người đọc dẫu yêu thích bài thơ đến mấy, cũng chỉ cảm thấy mà thôi. Tôi chỉ hy vọng, rất chân thành, được gặp những tâm hồn bạn, có độ lượng để bao dung, có tấm lòng nhân ái để thông cảm, có trí thức đủ để hiểu thấu đáo tác phẩm và tác giả, hiểu cả điểm mạnh và điểm yếu của một người suốt một đời lấy Thơ làm cứu cánh, làm mục đích, làm lẽ sống, chứ không bao giờ lấy Thơ làm phương tiện để cho mình đạt tới nh ững gì gì đó, ví dụ như danh và lợi, sự bon chen, sự cầu c ạnh, sự thù hận vv...là những cái rất xa lạ với tôi, có lẽ xa lạ cả Thơ đích thực nữa.

Tôi đã trở về với tâm tư riêng, thế giới riêng của mình như đã nói ở trên, về với quê hương xưa, vùng Kinh Bắc xưa mà vẫn g ần gũi, về với những người đã khuất bóng ở nhân gian nhưng mãi mãi hiện diện trong tâm hồn tôi. Và tập Về Kinh Bắc đã ra đời như thế, để làm cột xương sống cho toàn bộ thi phẩm của tôi kể từ những năm 40 của thế kỷ này.

Hà Nội những ngày cuối năm Nhâm Thân 1992

Hoàng Cầm.

\*

Như vậy là có một người chị thật trong đời Hoàng Cầm, Thi sĩ cho ta biết người chị ấy có nhan sắc tuyệt đẹp, và thi sĩ yêu người chị ấy ngay năm ông mới tám tuổi đời. Và chuyện chị đi tìm đồng chiều cuống ra, chị hứa: “Đưa nào tìm được lá diêu bông..chị gọi là chồng..” là chuyện có thật. Chuyện xảy ra năm 1934, khi thi sĩ mới 12 tuổi, những hình ảnh nằm mãi trong ký ức thi sĩ, 25 năm sau — năm 1959 — những hình ảnh ấy, những tình ý ấy, những tâm tư ấy mới chuyển thành bài thơ Lá Diêu Bông

Tôi biết Thơ Hoàng Cầm năm 1946, khi tôi mới mười ba, mười bốn tuổi. Nhờ ông anh tôi thích Thơ, sưu tập Thơ, thấy ai có Thơ là mượn về chép lại, chữ anh tôi thật đẹp, tôi được đọc nhiều Thơ, trong số có Kịch Kiều Loan, tức Người Điên của Hoàng Cầm. Như nhiều người cùng tuổi mấy câu trong Kiều Loan vào tim tôi năm tôi mười mấy tuổi, theo tôi đi kháng chi ến, theo tôi trở về Hà

Nội, theo tôi vào Nam, theo tôi sống nh ững ngày thật đẹp ở Sài Gòn, theo tôi vào nhà tù xã hội chủ nghĩa, theo tôi sang Mỹ, ở với tôi đến tận bây giờ:

Tôi nhớ chàng, đôi mắt trong như ngọc Đã chìm sâu b ùn lạnh đất Kinh Đô Độ ấy mùa xuân ghen mái tóc Chồng tôi say đồ n ặng trai tơ Mái tranh nghiêng rót tình phong nhụy Hoa khép hương vàng, gọi chẳng thừa.

Tôi được sinh ra để viết tiểu thuyết, để ca tụng Tình Yêu, và để phóng tác. Sáu câu thơ Kiều Loan khi vào trái tim tôi tr ở thành:

*Tôi nhớ Nàng, đôi mắt trong như ngọc  
Không mờ phai sương khói những thu xưa  
Độ ấy mùa xuân ghen mái tóc  
Tôi về say đồ n ặng trai tơ  
Mái tranh nghiêng rót tình phong nhụy  
Hoa khép sâu miên, gọi chẳng thừa.*

Năm 1950, sau bốn năm đi kháng chiến ở vùng quê hương Kinh Bắc, trở về Hà Nội tôi được đọc Kịch Cô Gái Nước Tàn của Hoàng Cầm trên tuần báo Tiểu Thuyết Thứ Bảy mới. Kịch Thơ một màn: cuộc tình Quận Chúa Tần Huyền Cơ- Đại Tướng Quân Tần Vũ. Chuyện xảy ra ở nước Tần thời Đông Chu Liệt Quốc. Kịch một màn, chỉ có ba vai: Tần Vũ, Đại Tướng Nguyên Soái quân Tần, Tần Huyền Cơ, Quận Chúa, Thái Bá, thầy học và quân sư của Tần Vũ. Cốt truyện ngắn thôi: Ngày xưa quân Sở vào Vân Các. Màn mở: Tướng Quân Tần Vũ, trẻ tuổi, đẹp trai, uy vũ, ngồi một mình, buồn nhớ người yêu Quân Sở vừa kéo vào kinh đô Tần quốc — Thời Đông Chu chỉ có quân Tần tiến vào kinh đô lục quốc, không m ột lần quân nước nào vào được kinh đô Tần, mãi đến đời Hán Lưu Bang nước Tàu mới có Vân Các — Tần Vũ vừa chỉ huy quân Tần đánh đuổi quân Sở ra khỏi kinh độ Thái Bá vào, báo cho Tần Vũ biết quân Tần bắt được Quận Chúa Tần Huyền Cơ, người đẹp này can tội “phản quốc, làm gián điệp cho quân Sở!” Nàng là người yêu của Tần Vũ. Thái Bá sợ Tần Vũ vì yêu Huyền Cơ mà tha tội cho nàng nên nói mấy lời khuyên Tần Vũ phải bỏ tình riêng để làm việc công: “Mà Công tử thì hãy còn trẻ tuổi Lão chỉ e rồi bề tình đắm đuối.”, Huyền Cơ được đưa vào gặp Tần Vũ, cuối cùng Tần Vũ cũng ra lệnh giết Huyền Cơ Chỉ được đọc vở kịch có một lần tôi còn nhớ l ỡm l ỡm mấy câu:

*Ngày xưa quân Sở vào Vân Các  
Em rạt về đâu, mấy nhớ thương..!*

...

*Nhưng người yêu xông pha trên chiến địa  
Có bao giờ nhớ tới Huyền Cơ đâu!  
Dây oan khiến giờ đã thắt ngang đầu  
Người bạc mệnh có bao giờ hối hận...*

Thời gian vỗ cánh bay như quạ..Những ngày như lá, tháng như mây..Một tối tháng Sáu, hay tháng Bảy, tháng Tám năm 1975 tôi gặp Lưu Kiếm trên vỉa hè trước chợ Tân Định — Lưu Kiếm đã qua đời ở Sài Gòn năm 1985 — anh nói;

— Tao gặp mấy thằng văn nghệ ở Hà Nội vào Chúng nó đọc mấy bài thơ của Hoàng Cầm cho tao nghe.

Lưu Kiếm không nhớ lời thơ, anh chỉ nhớ ý thơ, anh kể lại hai bài thơ Lá Diêu Bông và Qua Vườn Ổi của Hoàng Cầm. Đây là lần thứ nhất tôi nghe nói đến Lá Diêu Bông và Qua Vườn Ổi Chỉ mới được nghe ý thơ thôi, cảm giác lạ kỳ đến với tôi, hai đ ầu gối tôi bỗng dựng nh ễn ra, tôi muốn ngồi sụp xuống vỉa hè. Như người hết hơi tôi thều thào nói:

— Thơ như thế mới là thơ.

## Lá Diêu Bông

Váy Đình Bảng buông chùng cửa võng  
Chị thân thơ đi tìm  
Đồng chiều  
Cuống ra.  
Chị bảo  
— Đứa nào tìm được lá Diêu Bông  
Từ nay ta gọi là chồng.  
Hai ngày sau Em tìm thấy lá  
Chị chau mày:  
— Đâu phải lá Diêu Bông  
Mùa đông sau Em tìm thấy lá  
Chị lắc đầu  
Trông nắng vẫn bên sông  
Ngày cưới chị  
Em tìm thấy lá  
Chị cười xe chỉ ám tròn kim  
Chị ba con  
Em tìm thấy lá  
Xòe tay phủ mặt Chị không nhìn  
Từ thuở ấy  
Em cầm chiếc lá  
Đi đầu non, cuối bể  
Gió quê vi vút gọi  
Diêu Bông hỡi!  
Ơi Diêu Bông (1959)

Tối xưa ấy — buổi tối 25 năm xưa — trên vỉa hè Tân Định, chỉ nghe Lưu Kiếm kể ý thơ thôi, tôi nghĩ ngay đến chuyện người chị trong thơ là Đảng, người em trong thơ là người văn nghệ sĩ. Đảng muốn người văn nghệ sĩ cung cấp những tác phẩm tốt, người văn nghệ sĩ đáp ứng lời kêu gọi của Đảng, rất muốn làm đẹp lòng Đảng, nhưng tác phẩm nào của anh cũng bị Đảng chê là không đúng với cái Đảng muốn. Khi người văn nghệ sĩ sáng tác được tác phẩm đúng, Đảng vẫn không dùng vì thời điểm để cho tác phẩm đó ra đời đã qua rồi Người văn nghệ sĩ thất vọng đi vào lòng dân tộc, nghe tiếng gió quê vi vút gọi tên tác phẩm của mình.

Và đây là bài “Qua vườn ổi”

*Em mười hai tuổi tìm theo Chị  
Qua cầu bà Sấm, bến cô Mưa*

*Đi...  
ngày tháng lụi  
tìm không thấy  
Giải yếm lòng trai mãi phát cờ  
Cách nhau ba bước vào vườn ổi  
Chị xoạc cành ngang  
Em gốc cây  
— Xin chị một quả chín!  
— Quả chín..  
quá tầm tay  
— Xin chị một quả ương*

— Quả ương  
chim khoét thủng  
Lẽo đẽo Em đi vườn mai sau  
Cúi nhật chiều mưa dầm quả rụng.

Cũng trong buổi tối 25 năm xưa ấy, trên vỉa hè Tân Đình, khi nghe bạn kể sơ sơ ý thơ Qua Vườn Ổi, tôi nghĩ ngay đến chuyện người chị trong thơ là Đảng, người em trong thơ là người văn nghệ sĩ. Người văn nghệ sĩ trong chế độ xã hội chủ nghĩa xin Đảng cho mình được hưởng vài lạc thú. Trong thơ trái ổi tượng trưng cho lạc thú. Trái ổi ương bị chim khoét thủng là những lạc thú tiêu tư sản. Đảng thấy người văn nghệ sĩ không nên hưởng những thú vui đã ô nhiễm ấy, quả chín là những thú vui cộng sản nhưng ở trên cao ngoài tầm tay với của Đảng, chưa đến thời kỳ Đảng có thể cung cấp những lạc thú cộng sản ấy cho nhân dân. Thành ra nhân dân trong chế độ XHCN suốt đời chẳng được hưởng một lạc thú nào cả.

Năm 1982, sau lần bị tù hai năm lần thứ nhất trở về, một sáng tôi đến ăn bánh cuốn ở tiệm bà Mỹ Phụng gần cầu Công Lý. Bà cho biết Thi sĩ Hoàng Cầm vào Sài Gòn mấy năm trước, có gặp bà và viết tặng bà mấy bài thơ Nghe nói Thơ Hoàng Cầm, mắt tôi có sáng lên hay không tôi không biết vì tôi không nhìn thấy mắt tôi, tôi chỉ biết là tim tôi rung động, tôi nói bà cho tôi mượn xem mấy bài thơ, được không ạ? Rất dễ dàng bà đáp ứng tôi ngay. Hoàng Cầm viết thơ lên tờ giấy bản khổ to, màu vàng, chữ mực Tàu đen, nét chữ đẹp, hào hoa, bay bướm. Nhìn chữ Hoàng Cầm, tôi nhớ chữ Đinh Hùng. Trong mấy bài thơ Hoàng Cầm viết tặng bà Mỹ Phụng có bài Cây Tam Cúc, tôi chưa có bài này. Tôi xin bà Mỹ Phụng cho tôi chép bài thơ ngay tại chỗ, bà bằng lòng.

### **Cây Tam Cúc**

*Cổ bài tam cúc mép cong cong  
Rút trộm rơm nhà đi trái ổ  
Chị gọi đôi cây!  
Trầu cay má đỏ  
Kết xe hồng đưa Chị đến quê Em  
Nghé cây bài tìm hơi tóc ấm  
Em đừng lớn nữa Chị đừng đi  
Tướng sĩ đồ đen chui sấp ngựa  
Ổ rơm thơm đong tuổi đương thì  
Đưa được  
chinh truyền xứng xoèng  
Đưa thua  
Đáo gỡ ngoài thêm  
Em đi đêm tướng điều, sĩ đồ  
Đôi xe hồng đưa Chị đến quê Em  
Năm sau giặc giã  
Quan Đốc đồng áo đen, nẹp đỏ  
Thả tịnh vàng cưới Chị  
võng mây trôi  
Em đứng nhìn theo, Em gọi đôi.*

Không biết tại sao vừa đọc bài Cây Tam Cúc tôi nghĩ ngay đến chuyện tác giả muốn nói đến thân phận người văn nghệ sĩ trong chế độ XHCN — có thể nói trong mọi chế độ, trong tất cả các thời, ở tất cả các nước sau chiến tranh. Quan Đốc đồng Tam Cúc là kẻ có súng, kẻ có súng nói chiến thắng là do công của tao, tao có công tao chiếm hết, chúng mày không được hưởng cái gì cả. Năm 1982, 1983 tôi viết một số bài văn-chính luận gửi ra nước ngoài, trong số có hai bài “Hiện tượng Hoàng Cầm” và “Hiện tượng Dương Quỳnh Hoa”. Trong bài viết về Thơ Hoàng Cầm, tôi suy

diễn ba bài thơ Lá Diêu Bông, Qua Vườn Ồi, Cây Tam Cúc theo cảm nghĩ của tôi, những cảm nghĩ tôi vừa trình bày Năm 1983 tôi nghe nói Hoàng Cầm bị bắt ở Hà Nội, tháng 4, 1984 tôi nghe Đài Phát Thánh Kháng Chiến Hoàng Cơ Minh trong một bài bình luận, nói đến Hoàng Cầm, Nguyễn Chí Thiện và tôi là những văn nghệ sĩ có thơ văn chống Cộng. Tháng 5, 1984 tôi bị bắt lần thứ hai Năm 1988 tôi ra tòa án Thành phố Hồ Chí Minh, trong cáo trạng về tôi Tòa VC có nói đến hai bài “Hiện tượng Hoàng Cầm, Hiện tượng Dương Quỳnh Hoa”.

Năm 1992 tôi nghe kể anh công an thăm vấn Hoàng Cầm, nói:

— Thơ anh mấy bài Lá Diêu Bông, Qua Vườn Ồi.có thằng nó suy diễn như thế này, nó viết bài nó đăng ở nước ngoài, anh nghĩ sao ?

Hoàng Cầm trả lời:

— Nếu thơ tôi làm cho có người nghĩ như thế thì tôi có tội.

Chuyện trên đây tôi nghe một anh bạn tôi ở Hà Nội kể lại, tôi không đoan chắc là chuyện có thật.

Mời bạn đọc lại mấy câu tâm sự của Hoàng Cầm:

...Vậy thì chỉ mới sau vụ Nhân Văn-Giai Phẩm một thời gian ng ắn, thơ tôi đã lùi về quá khứ, chẳng biết có phải ẩn dụ, ẩn di ếc gì chẳng, chỉ có điều là qua 48 bài tôi không một phút nào nghĩ đến thời cuộc chính trị và xã hội trước mắt. Tôi chìm về một quê hương xa, có thực mà như ảo ảnh...(…)

...Tôi sẽ viết tỉ mỉ hơn trong tập hồi ký sau này, để một số bạn ở xa quê hương hiểu kĩ về thơ tôi hơn, tránh được những đi ều bình luận sai lạc.

Như vậy là những bài thơ Lá Diêu Bông, Qua Vườn Ồi,Cây Tam Cúc không có, không mang những ý nghĩa như tôi tưởng, những ý nghĩa đó là do tôi nghĩ ra khi đọc thơ, không phải ý của tác giả. Tôi đã hiểu sai, đã bình luận sai lạc về những bài thơ đó. Nếu những cảm nghĩ của tôi có làm cho Thi sĩ gặp một vài khó khăn, phiền toái, tôi trang trọng xin lỗi ông.

Tôi thấy từ ngữ Thi Văn có sự huyền diệu là khi nó đánh vào trái tim người thưởng ngoạn, nó gây ra những hồi ứng khác nhau tùy theo tâm trạng mỗi người. Không phải ai đọc, cảm đ ộng, thấy hay, những bài Lá Diêu Bông, Qua Vườn Ồi..đều có cảm nghĩ như tôi Tôi khiêm tốn hỏi Thi sĩ, và bạn đọc, cảm nghĩ của tôi về những bài thơ vừa kể nghe có được không, có lý không? Hay tôi cố tình xuyên tạc, trơ tráo gán cho lời thơ những ý nghĩa mà nó không có, tôi bình luận láo lếu, vô lý? Nếu tôi đọc những bài thơ ấy trước ngày 30 Tháng Tư 1975 chắc chắn tôi không có những cảm nghĩ như thế. Sáng tác là quyền của thi sĩ tác giả, nghĩ gì về tác phẩm, có những ý nghĩ gì sau khi đọc tác phẩm là quyền của người đọc.

Trong một thư gửi cho ông bạn ở Hà Nội, viết vào lúc 5 giờ sáng ngày 22/ 9/ 1976, Hoàng Cầm kể:

Trích “Hoàng Cầm Văn Xuôi,” trg.289:

*...Hôm mới vào Sài Gòn gặp một anh bạn đưa ngay đến nhà một thầy tử vi, thầy chỉ cần hai phút là gọi hết các sao biến hiện, xuất nhập của lá số tôi, thầy nói (ông thầy mù hoàn toàn) “Ngài là một người thông minh, tài giỏi, nhưng cả cuộc đ ời chỉ là hai chữ “dở dang.” Công danh, sự nghiệp dở dang, gia đình, tình yêu dở dang. Dở dang hết, không một cung nào trọn vẹn, trừ cung Phúc Đức, có những sao đặc cách đã cứu Ngài” Thầy còn nói nhiều, (rất đúng) nhưng tôi khoái câu mở đầu ấy của thầy lắm - Mà quả thế, ông Phấn ạ “Đời ông chỉ là hai chữ dở dang.” Ngưng trích.*

Khi đọc những bài Lá Diêu Bông, Qua Vườn Ồi, Cây Tam Cúc và có những ý nghĩ như tôi đã kể, tôi vẫn mong, vẫn định ngày nào được gặp Thi sĩ tôi sẽ hỏi ông có phải khi làm những bài thơ đó ông có ý nói lên bằng ẩn dụ những ý nghĩa như tôi nghĩ không? Cho đến nay tôi chưa có duyên được gặp Thi sĩ lần nào. Tôi mong ông có dịp đọc những bài viết này của tôi, tôi tin sẽ có ngày tôi được gặp ông. Tôi đã viết về ông, Thơ ông, từ hai mươi năm xưa khi tôi ở Sài Gòn, hôm nay xa cách nhau một đại dương, tôi viết về ông với lòng cảm mến và thương xót. Tôi vừa đọc GHI của Trần Dần, HỎA LÒ của Nguyễn Chí Thiện; hình ảnh Thi sĩ Hoàng Cầm, một số việc ông làm, được hai ông Trần Dần, Nguyễn Chí Thiện kể làm tôi đau lòng. Tôi sẽ viết về chuyện ấy trong bài tới.

Để kết bài này, tôi muốn nói thêm lời ông thầy bói mù Sài Gòn 1976 nói về cuộc đời Thi sĩ Hoàng Cầm:

— Đời ông có một cung không dở dang, một cung trọn vẹn, thật đẹp. Đó là cung Thi Sĩ. Ông được sinh ra để làm thơ, để làm thi sĩ. Ông đã là thi sĩ rồi, ông còn đòi hỏi gì thêm nữa ? Ông còn cần gì nữa để phải đòi hỏi Nếu đời ông có chuyện gì để người đời đàm tiếu thì số ông cũng giống như số cô chị Lá Diêu Bông đồng chiều, cuống rạ, môi trầu cắn chỉ, ổ rơm thơm động của ông, cô Thúy Kiều: Rằng tài nên trọng mà tình nên thương!

## Cây tam cúc : khát vọng yêu thương trong trò chơi con trẻ Nguyễn Nguyên Tản

*Bài thơ của Hoàng Cầm thật giàu chi tiết, hình ảnh gợi hình, gợi cảm, thu tóm hoàn hảo một trò chơi trí tuệ đơn giản mà vui, có chút chinh xèng gây men: chơi tam cúc, làm sống dậy hoài niệm đẹp về tuổi ấu thơ của lớp người trung niên chúng ta.*

*Cổ bài tam cúc mép cong cong  
Rút trộm rơm nhà đi trái ổ  
Chị gọi đôi cây  
Trầu cay má đỏ  
Kết xe hồng đưa Chị đến quê Em.  
Nghé cây bài tìm hơi tóc ẩm  
Em đừng lớn nữa Chị đừng đi  
Tướng sĩ đồ đen chui sắp ngửa  
Ổ rơm thơm động tuổi đương thì.  
Đưa được  
Chinh chuyện xùng xoèng  
Đưa thua  
Đáo gỡ ngoài thêm  
Em đi đêm tướng điều sĩ đồ  
Đôi xe hồng đưa Chị đến quê Em.  
Năm sau giặc giã  
Quan Đốc đồng áo đen nẹp đồ  
Thả tịnh vàng cưới Chị võng mây trôi  
Em đứng nhìn theo Em gọi đôi.*

Cổ bài cong mép vì đã cũ, hành vi dấm dúi trốn cha giấu mẹ, rút trộm rơm nhà làm chiếu, người chơi, cách chơi, được phờn phơ, thua đáo gỡ... chân thực, đáng yêu đến lạ lùng. Chỉ bằng ấy chi tiết đã đủ tạo nên chất thơ, thứ thơ được gầy ra từ rơm rạ của cuộc sống thanh bình dung dị nơi thôn dã.

Những câu thơ 7 chữ, 8 chữ ngắt dòng dài ngắn khác nhau, khi nén đúc, khi trải rộng, co duỗi nhịp nhàng mô phỏng nhịp điệu cất bài lên, hạ bài xuống rộn ràng, náo nức, bí hiểm bất ngờ, gợi tả tài tình không khí của cuộc chơi và tâm trạng người trong cuộc.

Cũng như trong một số bài thơ khác của Hoàng Cầm, ở đây ta lại gặp nhân vật trữ tình xưng “Em” trong quan hệ thân tình gần gũi với “Chị”. Một thứ quan hệ tình cảm khá đặc biệt, không chỉ là tình chị em đơn thuần, đâu hiếm gặp trong đời. Người em ấy không hoàn toàn còn là trẻ con nữa, nên đã biết tranh thủ: “Nghé cây bài tìm hơi tóc ẩm”, chớp được cái khoảnh khắc thăng hoa của sắc đẹp môi hồng má đỏ bởi vị nồng cay của miếng trầu nơi chị. Để mà ngây ngất giấu thầm ước vọng mơ hồ nhưng khắc khoải:

*Kết xe hồng đưa Chị đến quê Em*

...

*Đổi xe hồng đưa Chị đến quê Em*

Xe hồng, đôi cây bài tam cúc, đã trở thành biểu tượng cho ước vọng lứa đôi hạnh phúc, cứ mỗi lúc lại dội lên trong lòng “Em”.

Ở cái tuổi chập chờn lần ranh trẻ con - người lớn, cậu bé - chàng trai, trong tình cảm của “Em” có nét ích kỷ thật đáng yêu qua niềm mong mỏi âm thầm tưởng như phi lý mà có lý: “Em đừng lớn nữa Chị đừng đi”. Ô hay! “Chị đừng đi” là niềm mong mỏi phải lẽ rồi. Nhưng sao lại mong “Em đừng lớn nữa”? Phải chăng trong trí não của “Em” luôn có “Chị”.

Người “Em” thì đa tình, đa cảm, giàu mộng mơ, trong khi “Chị” thì vô tư hồn nhiên, không để ý mọi hành vi và diễn biến tâm trạng của “Em”. Vì vậy, đến kết bài thơ là cảnh chị cũng lại hồn nhiên lên xe hoa, để lại trong “Em” nỗi thất vọng tiếc nuối đến ngẩn ngơ. Nỗi đau riêng hòa trong nỗi đau chung: “Năm sau giặc giã/ Quan Đốc đồng áo đen nẹp đỏ/ Thả tịnh vàng cưới Chị vống mây trôi/ Em đứng nhìn theo Em gọi đôi”. Một thuở thanh bình đã chấm dứt.

Lấy cây tam cúc và cuộc chơi bài tam cúc làm ẩn dụ, nhà thơ gửi gắm khát vọng yêu đương kín đáo và nỗi đau mất mát của một tình yêu đơn phương, không tới bến bờ hạnh phúc, gọi lên trong ta niềm trắc ẩn trước những éo le, uẩn khúc của lòng người.

Gấp trang thơ lại, lòng ta còn vương vấn mãi làn hương mái tóc người con gái đương thì, mùi thơm ngái của đồng quê và nhất là hương vị của một tình yêu vô vọng vừa chớm nở...

**Đi tìm người con gái trong vở kịch thơ của Hoàng Cầm  
Ngữ Yên**



*Hoàng Cầm cùng ái nữ Kiều Loan ven sông Đuống năm 1997 – Nguồn PHANXIPĂNG*

Hoàng Cầm thời tiền chiến có khá nhiều bài thơ hay như: Bên kia sông Đuống, Lá diêu bông... Ngoài ra người ta biết đến ông với vở kịch thơ nổi tiếng Người Điên. Ông là một trong những tác giả khởi sự nền kịch thơ Việt Nam những năm 1945 ( trong đó có Huy Thông).

Thời kháng chiến ông cùng nhà biên kịch Hoàng Tích Linh lập ra đoàn kịch Đông Phương vào đầu thập niên 40 gồm: Vợ chồng nhạc sỹ văn Chung, Tuyết Khanh ( vợ Hoàng Cầm), Trúc Lâm, Phạm Duy, Ngọc Bích... vở kịch đáng lẽ ra mắt công chúng vào tháng chạp năm 1946, nhưng toàn dân phát động công cuộc kháng chiến chống Pháp, khiến vở kịch chỉ diễn dăm ba ngày rồi đình lại. Vở kịch với nhân vật chánh tên là Kiều Loan, người khuyến khích chồng ra đi đánh đổ nhà Nguyễn để phục hồi nhà Tây Sơn, nhưng người chồng đã phản bội chạy theo Nguyễn ánh, nàng giả điên vào thành Phú Xuân đi tìm chồng... và sau đó tự vận chết trong tù..

Người đóng vai Kiều Loan không ai khác hơn chính là phu nhân nhà thơ: nữ kịch sỹ Tuyết Khanh. Bà đi theo Hoàng Cầm ra vùng kháng chiến ông đổi tên vợ là Kiều Loan, do đó sau này có cái tên khác là vở kịch Kiều Loan. Lúc đó người vợ có thai ,nên ở lại vùng trung du và Hoàng Cầm lên đường đi lưu diễn. Trong bữa cơm đạm bạc chia tay ở phố Nĩ ( Bắc Giang) có Phạm Duy dự, nhà thơ không ngờ đây là lần cuối cùng ông không còn gặp lại vợ con

Suốt từ năm 1948-1954 ,bà nhiều lần viết thư cho Hoàng Cầm nhưng bất tin và đưa bé ra đời bà đặt tên là Bùi Thị Kiều Loan vì Hoàng Cầm tên thật là Bùi Tăng Việt sinh năm 1921 tại Bắc Ninh

Sau hiệp định Genève ,Kiều Loan mẹ bé con di cư vào Nam sống, lúc ấy Kiều Loan con khoảng 6 tuổi, đến năm 1968 cô lấy chồng ở Sài Gòn. Năm 1975 thống nhất đất nước Hoàng Cầm có



vào Nam thăm vợ con, nhưng người vợ cũ đã di tản sang Mỹ.. chỉ còn đứa con gái ở lại, cha con gặp nhau bùi ngùi, nhưng vì xa cách quá cũng ít hàn huyên tâm sự nhiều, và đến năm 1982 thì Kiều Loan con cũng sang Mỹ đoàn tụ cùng người mẹ.

Tháng giêng năm 1983, trong một buổi đi chơi ở Los Angeles, tình cờ Phạm Duy gặp triết gia Phạm Công Thiện ở khu China Town, Phạm Công Thiện cho biết người con gái trong kịch thơ Người Diên ở gần đây và dẫn nhạc sỹ đến thăm mẹ con Kiều Loan, Phạm Duy quá bất ngờ như gặp lại người bạn cũ ngày xưa nhiều kỉ niệm, khi ông cùng Ngọc Bích xách ba lô đi tìm bộ chỉ huy khu XII và đã gặp Hoàng Cầm.

Trong căn gác nhỏ chung cư nghèo Los Angeles, Phạm công Thiện và Phạm Duy nghe lại những bài thơ của Hoàng Cầm và tận mắt nhìn lại hình bóng Kiều Loan ngày nào trong vở Người Diên. Bà Tuyết Khanh đọc lại những bài thơ mà thi sỹ tặng bà năm 1945 và thưởng thức giọng ngâm của cô con gái Hoàng Cầm:

Anh đã về đây gặp lại mình  
Cõi đời thiên hạ giấc u minh  
Níu tay cười xuống hoàng hôn cũ  
Vớt mắt em về bến hoá sinh...

Cô ngâm tiếp:

...Khanh ơi!  
Thế xác hiu hiu bụi  
Nắng dải hoe vàng  
Em ở đâu?

Hoàng Cầm còn có những câu thơ tình tặng bà khi hai người phải chia tay trong kháng chiến:

Mái tóc buông xuôi dòng khói lạnh  
Bóng người thiếu phụ thoáng đêm xuân  
Minh châu đôi hạt cài bên gối  
Đợi đến bao giờ gửi cố nhân

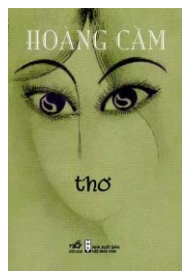
Còn một bài nữa, khi Hoàng Cầm làm thầy giáo ở Bắc Giang mà họa sỹ Tạ Tỵ sưu tầm đăng trên tờ nguyệt san Virginia:

Nếu anh còn trẻ như năm trước  
Quyết đón anh về sống với em  
Những buổi chiều vàng phơ phất lại  
Anh đàn em hát níu xuân xanh

Nhiều năm liền bà Tuyết Khanh được mời đi nhiều nơi trên nước Mỹ để ngâm thơ và nói chuyện về Hoàng Cầm.

\*\*\*

### **Phụ đính I: Chùm thơ Hoàng Cầm**



## Bên kia sông Đuống

Em ơi! Buồn làm chi  
Anh đưa em về sông Đuống  
Ngày xưa cát trắng phẳng lỳ  
Sông Đuống trôi đi  
Một dòng lấp lánh  
Năm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kỳ

Xanh xanh bãi mía bờ dâu  
Ngô khoai biêng biếc  
Đứng bên này sông sao nhớ tiếc  
Sao xót xa như rụng bàn tay

Bên kia sông Đuống  
Quê hương ta lúa nếp thơm đồng  
Tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong  
Màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp  
Quê hương ta từ ngày khùng khiếp  
Giặc kéo lên ngàn ngọn lửa hung tàn

Ruộng ta khô  
Nhà ta cháy  
Chó ngộ một đàn  
Lưỡi dài lê sắc máu

Kiệt cùng ngõ thẳm bờ hoang  
Mẹ con đàn lợn âm dương  
Chia lìa đôi ngả  
Đám cưới chuột tưng bừng rộn rã  
Bây giờ tan tác về đâu ?

Ai về bên kia sông Đuống  
Cho ta gửi tấm the đen  
Mấy trăm năm tháp thoáng  
mộng bình yên  
Những hội hè đình đám  
Trên núi Thiên Thai  
Trong chùa Bút Tháp  
Giữa huyện Lang Tài  
Gửi về may áo cho ai  
Chuông chùa vắng vắng nay người ở đâu  
Những nàng môi cắn chỉ quét trầu  
Những cụ già phơ phơ tóc trắng  
Những em xột xoạt quần nâu  
Bây giờ đi đâu ? Về đâu ?

Ai về bên kia sông Đuống  
Có nhớ từng khuôn mặt búp sen  
Những cô hàng xén răng đen  
Cười như mùa thu tỏa nắng

Chợ Hồ, chợ Sủi người đua chen  
Bãi Tràm chỉ người dăng tơ nghẽn lối  
Những nàng dệt sợi  
Đi bán lụa màu  
Những người thợ nhuộm  
Đồng Tỉnh, Huế Cầu  
Bây giờ đi đâu ? Về đâu ?

Bên kia sông Đuống  
Mẹ già nua còm cõi gánh hàng rong  
Dầm miếng cau khô  
Mấy lọ phẩm hồng  
Vải thép giầy dầm hoen sương sớm  
Chợt lủ quỳ mắt xanh trừng trợn  
Khua giầy đinh đập gậy quán gầy teo  
Xi xô cướp bóc  
Tan phiên chợ nghèo  
Lá đa lác đác trước lều  
Vài ba vết máu loang chiều mùa đông

Chưa bán được một đồng  
Mẹ già lại quẩy gánh hàng rong  
Bước cao thấp trên bờ tre hun hút  
Có con cò trắng bay vùn vụt  
Lướt ngang dòng sông Đuống về đâu ?  
Mẹ ta lòng đói dạ sầu  
Đường trơn mưa lạnh mái đầu bạc phơ

Bên kia sông Đuống  
Ta có đàn con thơ  
Ngày tranh nhau một bát cháo ngô  
Đêm lú dừ chui gầm giường tránh đạn  
Lấy mệt quây tròn  
Tưởng làm tổ ấm  
Trong giấc thơ ngây tiếng súng dồn tựa sấm  
Ú ớ cơn mê  
Thon thót giật mình  
Bóng giặc dày vò những nét môi xinh  
Đã có đất này chếp tội  
Chúng ta không biết nguôi hờn

Đêm buông xuống dòng sông Đuống  
-- Con là ai ? -- Con ở đâu về ?

Hé một cánh liếp  
-- Con vào đây bốn phía tường che  
Lửa đèn leo lét soi tình mẹ  
Khuôn mặt bừng lên như dựng giăng  
Ngậm ngùi tóc trắng đang thềm kể  
Những chuyện muôn đời không nói năng  
Đêm đi sâu quá lòng sông Đuống

Bộ đội bên sông đã trở về  
Con bắt đầu xuất kích  
Trại giặc bắt đầu run trong sương  
Dao loé giữa chợ  
Gậy lửa cuối thôn  
Lúa chín vàng hoe giặc mất hồn  
Ăn không ngon  
Ngủ không yên  
Đứng không vững  
Chúng mày phát điên  
Quay cuồng như xéo trên đồng lửa  
Mà cánh đồng ta còn chan chứa  
Bao nhiêu nắng đẹp mùa xuân  
Gió đưa tiếng hát về gần  
Thợ cấy đánh giặc dân quân cày bừa  
Tiếng bà ru cháu buổi trưa  
Chang chang nắng hạ võng đưa rầu rầu  
"À ơi... cha con chết trận từ lâu  
Con càng khôn lớn càng sâu mối thù"  
Tiếng em cất cổ hôm xưa  
Hiu hiu gió rét mịt mù mưa bay  
"Thân ta hoen ố vì mày  
Hồn ta cùng với đất này dài lâu..."

Em ơi! Đừng hát nữa! Lòng anh đau  
Mẹ ơi! Đừng khóc nữa! Dạ con sầu  
Cánh đồng im phăng phắc  
Để con đi giết giặc  
Lấy máu nó rửa thù này  
Lấy súng nó cầm chắc tay  
Mỗi đêm một lần mở hội  
Trong lòng con chim múa hoa cưỡi  
Vì nắng sắp lên rồi  
Chân trời đã tỏ  
Sông Đuống cuộn cuộn trôi  
Để nó cuốn phăng ra bể  
Bao nhiêu đồn giặc toi bờ  
Bao nhiêu nước mắt  
Bao nhiêu mồ hôi  
Bao nhiêu bóng tối  
Bao nhiêu nỗi đời

Bao giờ về bên kia sông Đuống  
Anh lại tìm em  
Em mặc yếm thắm  
Em thắt lụa hồng  
Em đi trải hội non sông  
Cười mê ánh sáng muôn lòng xuân xanh.  
*Việt Bắc, tháng 4, 1948*

**Lá Diêu Bông**

Váy Đính Bàng buông chùng cửa võng  
Chị thẫn thờ đi tìm  
Đồng chiều  
Cuồng rạ  
Chị bảo  
Đưa nào tìm được Lá Diêu bông  
Từ nay ta gọi là chồng

Hai ngày Em tìm thấy Lá  
Chị chau mày  
Đâu phải Lá Diêu bông  
Mùa đông sau Em tìm thấy Lá  
Chị lắc đầu  
trông nắng vãn bên sông

Ngày cưới Chị  
Em tìm thấy Lá  
Chị cười xe chỉ ầm trôn kim  
Chị ba con  
Em tìm thấy Lá  
Xòe tay phủ mặt Chị không nhìn

Từ thuở ấy  
Em cầm chiếc Lá  
đi đầu non cuối bể  
Gió quê vi vút gọi

Diêu bông hời...  
...ới Diêu bông...!

### **Cây tam cúc**

Cổ bài tam cúc mép cong cong  
Rút trộm rơm nhà đi trải ổ  
Chị gọi đôi cây!  
Trầu cay má đỏ  
Kết xe hồng đưa Chị đến quê Em

Nghé cây bài tìm hơi tóc ám  
Em đừng lớn nữa Chị đừng đi  
Tướng sĩ đồ đen chui sấp ngựa  
Ổ rơm thơm đọng tuổi đương thì

Đưa được  
chinh truyền xủng xoeng  
Đưa thua  
Đáo gỡ ngoài thềm  
Em đi đêm tướng điều, sĩ đồ  
Đổi xe hồng đưa Chị đến quê Em

Năm sau giặc giã  
Quan Đốc đồng áo đen, nẹp đỏ  
Thả tịnh vàng cười Chị  
võng mây trôi  
Em đứng nhìn theo, Em gọi đôi.

### **Qua vườn ổi**

Em mười hai tuổi tìm theo Chị  
Qua cầu bà Sấm, bến cô Mưa  
Đi...  
ngày tháng lụi  
tìm không thấy  
Giải yếm lòng trai mãi phát cờ  
Cách nhau ba bước vào vườn ổi  
Chị xoạc cành ngang  
Em gốc cây  
-- Xin chị một quả chín!  
-- Quả chín..  
quá tầm tay  
-- Xin chị một quả ương  
-- Quả ương  
chim khoét thủng  
Lẻo đẻo Em đi vườn mai sau  
Cúi nhặt chiều mưa dầm quả rụng.

### **Nếu anh còn trẻ**

Nếu anh còn trẻ như năm ấy  
Quyết đón em về sống với anh  
Những khoảng chiều buồn phơ phất lại  
Anh đàn em hát níu xuân xanh

Nhưng thuyền em buộc sai duyên phận  
Anh lụy đời quên bến khói sương  
Năm tháng... năm cung mờ cách biệt  
Bao giờ em hết nợ Tầm dương?

Nếu có ngày mai anh trở gót  
Quay về lãng đãng bến sông xa  
Thì em còn đây hay đâu mất?  
Cuối xóm buồn teo một tiếng gà..."

### **Tắm đêm**

Em gánh gạo về dinh phú hộ  
Nứt vai thành sẹo lá lan đao

Em chở nửa sang bờ duyên phận  
Tay đóng bè chân xuôi thác ghềnh  
Tuổi đã rách vá gì cho kịp

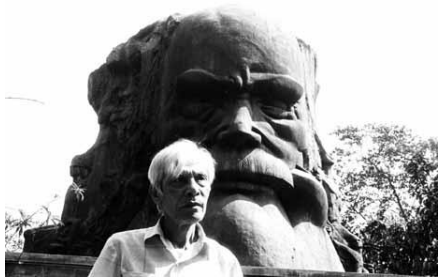
Da mỡ đông tuốt sọ ngang thân

Tung tóe dội gầu trắng nước giếng  
Mát lừa kẻ tóc  
Còn bủn rủn sọ ngang sọ dọc  
Vắt áo nghe thắm tiếng vải kêu

Dòng dây vục mái đêm hồ tinh  
Ấp vú mình trần con để trũi

Cành tre trải áo nép thân hình  
Phấn mùa trắng thoa mờ sọ tuổi

Ai rình Em  
Ai ngó Em  
Chợt rùng mình níu đêm đồng lõa  
Gai đâm xiên mười ngón ân tình



*Hoàng Cầm thăm Huế*

\*\*\*

**Phụ đính II :**

Hoàng Cầm, những bài thơ quê hương tôi  
**Nguyễn Mạnh Trinh**



Năm tôi sinh ra đời Hoàng Cầm viết bài thơ “ Bên Kia sông Đuống “.

Mười năm sau , khi “ Bài thơ sông Đuống” sắp được ghi vào trong chương trình Văn của các lớp phổ thông ở miền Bắc thì xảy ra vụ “ Nhân Văn Giai Phẩm “ và bài thơ bị xóa tên trong chương trình học nhưng không bị quên lãng. Nhưng nó vẫn còn được truyền tụng với những người yêu thơ đánh dấu một thời kỳ thi ca của lòng yêu nước ...

Hai chục năm sau, “ Bài thơ sông Đuống “ lại được ghi vào chương trình học. Kể ra thì số phận của bài thơ và tác giả của nó cũng khá truân chuyên ... Khi chính trị quyết định và chi phối tất cả thì văn chương chỉ là những yếu tố tùy thuộc nhỏ nhoi. Nhà thơ Bùi Tăng Việt đã lấy tên của vị thuốc đắng hoàng cầm làm bút hiệu của mình thì những hoạn nạn của cuộc đấu tố văn học xem ra không tránh khỏi .

Cuộc đời Hoàng Cầm hình như có rất nhiều dấu ấn từ nơi chôn nhau cắt rốn. Nhà phê bình Chu Văn Sơn đã có một ví von khá thú vị:

“.. Cũng như, ai biết được , bài “ Bên kia sông Đuống “ lại chứa một điềm báo ngược. Mười năm trước , khi viết những câu” Em ơi buồn làm chi/ Anh đưa em về sông Đuống”, Hoàng Cầm không thể nghĩ , dù tiên cảm có thánh đến đâu, rằng chỉ sau đấy mười nm , qua một cơn số 8 giờ đầy , ông lại về sông Đuống. Dĩ nhiên , giờ thì ngược rồi Cũng là “ về” nhưng không phải với khúc khải hoàn ca hội hè. Mà thui thủi , mà tức tưởi một trường hận ca cái “ tôi “ ở đó như kẻ bị trấn lột mất căn cước tinh thần đành trở về cội xưa tự làm căn cước cũ. Cũng bầy đầu từ cái “ ngày khủng khiếp” với “ ngọn lửa hung tàn” nhưng không phải do ngoại xâm phóng hỏa mà do nội tình truy bức .. vì thế, cũng “ bây giờ tan tác về đâu?” cũng “ bây giờ đi đâu về đâu?” cũng những tan hoang rách xé nhưng không phải sau cơn bão tố mà sau cơn đấu tố. Cơn đấu tố đã hỏa thiêu cái thế giới Kinh Bắc của một tâm hồn bị tổn thương. Khiến tất cả không còn là cái thế giới tranh Đông Hồ nguyên dạng, trái lại đã bị thiêu hóa , bị hóa vàng thành một Đông Hồ trong cõi ảo sinh. Nếu “ Bên kia sông Đuống “ là một Kinh Bắc dương bản thì “ Về Kinh Bắc “ là miền sông Đuống âm bản , một thế giới nghệ thuật mắc chứng trầm uất...”

Với tôi, chợt nghĩ. Có một dòng sông, nhờ một bài thơ mà trở thành một biểu tượng của quê hương, mà mỗi khi nghe nhắc đến lại nao nao trong dạ . Sông Đuống của Hoàng Cầm, của một thời kháng chiến . Cũng là sông Đuống có làng Thanh Am tên tục là làng Đuống nghèo nàn ven bờ, quê nội của tôi. ...

Nói đến Hoàng Cầm , có nhiều bài nổi tiếng . Có người thích và cho rằng tiêu biểu nhất là bài thơ “ Đêm Liên Hoan”, một thi khúc hùng tráng của một thời kháng chiến . Hay, bài thơ “ Tiếng Hát Quan Họ “ cũng là tiếng thơ của vùng Kinh Bắc , cái nôi văn hóa của dân tộc Việt Nam. Hay bài thơ “ Cây tam cúc ‘ của những tình ca, trong sáng ngây thơ , của nỗi tình sớm phát tiết .Cũng như về sau này , với “ Lá Diêu Bông “, một bài thơ trở thành nguồn cội cho nhiều ca khúc của những bản nhạc làm rung động lòng người.

Riêng với tôi, mỗi lần đọc bài thơ trên, tôi lại nghĩ về quê hương tôi lúc tôi rời bỏ khi vừa ở tuổi vừa biết cắp sách đến trường. Tôi sinh ra ở Hà Nội nhưng quê nội tôi là một làng nhỏ ven bờ sông Đuống và những hình ảnh của nó chỉ là những ký ức lãng đãng trong tiềm thức. Tôi thường hay nghe cha mẹ tôi nhắc đến ngôi nhà thờ có bậc thềm cao đầy những hoành phi câu đối của một thời hưng vượng. Những cây nhãn , cây bưởi mà tuổi tác cũng ngang với những đứa trẻ trong họ , bây giờ đã sống tán lác ra mấy phương trời. Những vuông sân gạch mênh mông, thuở nào bước chân trẻ thơ lẫm chẫm. Rặng tường hoa dọc theo bờ ao, những mảnh sứ cẩn lóng lánh màu nắng. Bờ ao với cây khế mọc là đà mặt nước , với những bè rau muống , rau rút xanh tươi, là ao cá đầy cá mỗi khi tát ao vào dịp tết. Hai cổng gạch và cánh cửa sắt như tượng trưng cho



oai phong của dòng tộc, bây giờ có còn hiện hữu...

Ồi, những liên tưởng để nhớ lại và gửi về.... Đọc những câu thơ , sao mà rưng rưng cảm động :

*Bao giờ về bên kia sông Đuống  
Anh lại tìm Em  
Em mặc yếm thắm  
Em thắt lụa hồng  
Em đi cấy hội non sông  
Cười mê ánh sáng.. muôn lòng xuân xanh*

Hoàng Cầm viết bài thơ vào đúng năm tôi sinh ra đời khi khói lửa chiến tranh , khi gia đình tôi phải chạy loạn , mẹ tôi bồng tôi trên tay và anh tôi ngồi ở một đầu của quang gánh mang theo gia tài hòm xiềng của gia đình . Tới bây giờ đã hơn nửa thế kỷ, biết bao nhiêu là biến động diễn ra trên quê hương đất nước tôi. Và ngôi làng nhỏ , nơi chôn nhau cắt rốn của tôi chắc cũng phải chịu nhiều tang thương biến đổi. Dòng sông thưở nào bây giờ có còn bãi mía bờ lau, hay tất cả đã bồi lở theo từng năm tháng. Những con cháu trong dòng họ tôi , bây giờ trôi nổi sống ở những lục địa khác nhau, không biết có còn giây phút nào , ngóng về quê cũ để bồi hồi sống lại những mảnh đời đã trôi vụt qua nhanh vào quá vãng. Theo truyền tụng thì tên làng Thanh Am là chữ do cụ Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm đặt ra và mang danh tự ấy mãi đến tận sau này. Ở cánh đồng làng có cây đa cổ thụ thật lớn mà người làng cho rằng là của cụ tổ trồng ra và chính là hình ảnh rõ nhất của làng mỗi khi trở về . Làng ít ruộng đất , và ít ai theo nghề buôn bán nên dân tình cũng không giàu có so với những làng như làng Phù Lưu , cũng ở vùng Kinh Bắc, quê ngoại của tôi...

Riêng tôi, có lẽ, nhờ những câu thơ trong tâm não , để một thời sống lại. Đọc thơ Hoàng Cầm, thấy dậy lên một niềm tự hào âm thầm. Quê cha đất tổ tôi, những địa danh được nhắc đến trong văn học có phải là chút hãnh diện của người bị lưu lạc tha hương từ lúc còn trẻ dại?

Nhưng, đời sống của thi sĩ Hoàng Cầm thì buồn lắm và đầy bất hạnh. Tham gia kháng chiến sau 1945, góp nhiều công sức nên khi trở về Hà Nội được tin cậy và giữ chức vụ Trưởng Đoàn Văn Công của Tổng Cục Chính Trị Quân Đội Nhân Dân. Thế mà vì tham gia nhóm Nhân Văn Giai Phẩm bị cách tước chức tước, tù tội, nghèo đói cho đến tận cuối đời.

Hoàng Cầm bị kiểm thảo, bị làm nhục, bị o ép theo dõi, có lúc ông tưởng rằng không thể nào chịu đựng những bất hạnh quá mức như thế. Trong một bức thư gửi cho con gái là Kiều Loan con người vợ trước đang sinh sống ở San José "... Đến khi chị Yến của con chết thì người bố hoàn toàn sụp đổ, hàng tháng sau vẫn chỉ là cái xác vật vờ, lờ lững mà thôi..." . Bị tù giam vì chuyển bản thảo tập thơ " Kinh Bắc " cho Nguyễn Mạnh Hùng mang ra ngoại quốc in, rồi bị tịch thu sách vở bản thảo, rồi hai người thân nhất là vợ và con gái từ trần trong thời gian ngắn, rồi khi được thả thì bị công an làm nhục, mang hình ảnh tên tuổi bêu riếu ngoài phường phố. Tất cả những biến động ấy đã biến ông thành một người phẫn chí, lắm cảm. Mấy chục năm trong thời Cộng Sản, thân phận của một thi sĩ thật đoạn trường.

Đến nỗi nhà thơ Phùng Quán khi đến thăm đã viết bài thơ trên giấy xi-măng bằng than củi để an ủi người bạn mà cũng là người anh đáng thương :

*" Tôi tin núi tàn!  
Tôi tin sông lấp!  
Nhưng tôi không thể nào tin:  
Một nhà thơ như anh lại ngã lòng suy sụp  
Tôi tin, nhà thơ anh đã viết*

Cách đây ba mươi năm  
Những vần thơ lẫm liệt!  
Tiểu đội anh, những ai còn và ai mất?  
Không ai còn ai mất  
Chỉ chết cả mà thôi!  
Người sau kẻ trước lao vào giặc,  
Giữ vững ngàn thu một giống nòi  
Thế gian có một ngàn con sông  
Và một ngàn nhà thơ lớn  
Nhưng chỉ có một dòng  
May được thơ xưng tụng  
Nhờ đó mà vang vọng  
Nhờ thơ mà vinh danh  
Đó là con sông Đuống  
Con sông của quê anh  
Mà anh xót xa như bàn tay anh ngón rưng  
Tôi có một niềm tin  
Chắc như đanh đồng cột  
Ngày mai anh nhắm mắt.  
Đi sau linh cữu anh,  
Ngoài bạn hữu gia đình,  
Có cả con sông Đuống  
Sông Đuống sẽ mặc đại tang  
Khóc bên bồi bên lở,  
Sóng cuộn bờ nước nở,  
Ngàn đời chịu tang anh  
Tôi tin núi tằm!  
Tôi tin sông lấp!  
Nhưng tôi không thể nào tin  
Một nhà thơ như anh  
Lại ngã lòng suy sụp.”

Thơ quá hay và cảm động bởi một tấm lòng biểu lộ.” Ngày mai anh nhắm mắt/ đi sau linh cữu anh/ ngoài bạn hữu gia đình/ có cả con sông Đuống/ sông Đuống sẽ mặc đại tang/ khóc bên bồi bên lở/ sóng cuộn bờ nước nở / ngàn đời chịu tang anh...” Phùng Quán với những bài thơ ,câu văn viết cho những người cùng hoạn nạn cho chúng ta cái tâm vơi vợi của kẻ sĩ. Trong hoàn cảnh ấy,cuối đường của khốn cùng. Chỉ còn văn chương, để làm cây gậy chống và đứng dậy. Phải rồi, chính người thơ ấy đã viết những vần lẫm liệt của “ Đêm Liên Hoan”, ngôn ngữ dậy lửa của đòi hỏi hy sinh xương máu. Phải rồi, chính người thơ ấy đã viết cho dòng sông quê hương những hình ảnh thần kỳ của tấm lòng tha thiết . Phải rồi, chính người thơ ấy đã mang những ẩn dụ vào thi ca để bày tỏ nỗi niềm của “ Lá Diêu Bông”. Thơ và đời, sao trái ngược, thi ca sang cả, hạnh phúc, hào hùng trong khi đời thường nghèo đói bất hạnh phủ vây.

Xuân Sách, cũng những ngậm ngùi, những phác họa một chân dung thi sĩ nhiều sóng gió :

“Em ơi buồn làm chi  
Em không buồn sao được!  
Quan họ đã vào hợp tác  
Đông Hồ gà lợn nuôi chung  
Bên Kia Sông Đuống em trông  
Tìm đâu thấy Lá Diêu Bông hỡi chàng !”

Em ơi buồn làm chi! Câu thơ của một thuở nào “ Bên Kia Sông Đuống” bây giờ Xuân Sách nhắc lại như một chút cay đắng cũ càng. Tất cả thay đổi rồi, người thi sĩ mất đi vị trí thời trước . Văn nghệ đã bị mặc chung bộ đồng phục, tranh gà lợn không còn nét trong sáng tư riêng.Và Lá Diêu Bông cũng là những gì không thực, mà người thơ cứ tha thẩn kiếm tìm mãi mãi mà không thấy .Xuân Sách nhắc đến Tiếng Hát Quan Họ với những câu thơ của Hoàng Cầm như”

*“.. Suốt tháng giêng mưa xuân trắng ngõ  
Những người gái thôn Dương Ổ  
Đập sợi thâu đêm  
Khi nắng lên se chỉ trắng ngoài thềm  
Khi giăng lên đưa con thoi dệt vải  
Tiếng hát chập chùng , mái tranh phủ khói  
Chị em hẹn nhau ngày hội sang năm...”*

Một thời nào xưa lắm, có phải? Thuở thanh bình với phong tục dân gian đáng yêu, bây giờ có còn? Hay, tất cả , trôi theo dòng thời thế, để vỡ vụn, nát tan? Trong thế giới thi ca của Hoàng Cầm , từ cảnh tới người , từ ý tới lời , đều có nét vờn của bằng lăng , của bằng bạc đời sống. Cái hồi nhớ đôi khi là cảm giác thực , cái liên tưởng đôi khi là giây phút sống nhất . Với cuộc đời, thơ là nét mơ hồ , là lẫn lộn thực mộng , là những cơn mơ , dịu dàng , nhưng triền miên để thành nỗi đau nỗi nhớ , Thơ , tuy tiếp cận , tuy gần gũi nhưng vẫn có một cái gì làm khoảng cách , như đôi mắt hay nhìn ra xa để lảng tránh cái nỗi buồn gần . . .

Một bài thơ, mà nhiều nhạc sĩ đã tạo thành những ca khúc để đời: Trần Tiến, Phạm Duy, Lê Yên, Ngọc Thanh.” Lá Diêu Bông”:

*Váy Đình Bảng buông chùng cửa võng  
Chị thân thơ đi tìm  
Đồng chiều  
Cuống rạ...  
Chị bảo  
Đưa nào tìm được lá Diêu Bông  
Từ nay ta gọi làm chồng.*

.....

Bài thơ như một câu chuyện không đoạn kết. Ở mỗi chủ quan người đọc, nảy ra những suy tưởng khác nhau. Trường hợp các nhạc sĩ là thí dụ. Mỗi người khai triển bài thơ theo suy cảm riêng. Chính cái bằng lăng của những câu hỏi cho một vấn nạn mờ ảo tạo thành sự giằng trái rộng khắp cho một không gian thi ca. Lá Diêu bông, rõ ràng là một ẩn dụ ! Đi tìm nó, có phải là một công trình vô vọng? Hay , chính là hình tượng của niềm hy vọng vào cái thắm mỹ quan của sự toàn bích? “ Gió quê vi vút gọi... Diêu Bông hời... Ồi Diêu bông” có phải là tiếng gọi của một hồn thơ luôn luôn bị bủa vây trong dây xích buộc trói của chữ nghĩa?

**Hoàng Cầm: 'Trời bắt tội tôi yêu sớm'  
Hà Linh**



*Cậu bé ngày nào mãi miết đi tìm lá diêu bông vì trót thương thầm nhớ trộm người chị xứ Kinh Bắc, giờ đã thành ông lão tuổi 84. Dấu ấn thời gian đổ cả vào mái tóc bạc trắng của ông để giữ lại vẹn nguyên đôi mắt tinh anh và một tâm hồn thi nhân rộng mở. Dưới đây là cuộc trò chuyện với nhà thơ Hoàng Cầm.*

Nhà thơ  
Hoàng Cầm.

- Thưa ông, chàng trai trẻ Hoàng Cầm đã đến với những vần thơ tình như thế nào?

- Tôi sớm viết thơ tình vì trời "bất tội" tôi yêu sớm. 8 tuổi đã biết say mê. Nàng thơ đầu tiên của tôi hơn tôi 8 tuổi. Ngày ấy, mẹ tôi bán hàng xén. Một lần từ tỉnh lỵ trọ học về thăm nhà, tôi nhìn thấy chị mua hàng ở chiếc quầy nhỏ. Trong ánh nắng chiều, chị hiện ra trước mắt tôi, đẹp rực rỡ như một thiên thần.

Từ đó trái tim tôi lao đao, choáng ngợp vì chị. Tôi hiểu đó là thứ tình cảm gái trai thật sự chứ không phải là tình chị em con trẻ. Trước, mỗi thứ bảy tôi mới về thăm nhà một lần thì từ khi biết chị, cứ đều đặn đến thứ tư và thứ bảy là tôi mua vé tàu về quê. Rồi tôi leo đèo đi theo chị, chỉ để ngắm thôi. Hai chị em cứ quyến luyến nhau như thế cho đến ngày chị đi lấy chồng. Chị tên là Vinh, là người con gái đã gợi hứng cho bài thơ *Lá Diêu Bông* của tôi.

- Cuộc đời ông có khá nhiều "lá diêu bông" bay qua. Tại sao không có chuyện tình nào kéo dài?

- Khi yêu nhau, ai chẳng muốn có một tình yêu bền vững. Tôi cũng muốn tình yêu của mình được lâu dài chứ, nhưng hoàn cảnh và số phận vốn mang nhiều điều éo le, bất trắc. Khi một mối tình đi qua, cũng có nhớ, có tiếc thương, khổ đau... đủ cả. Nhưng số tôi vốn đào hoa, luôn luôn được sống trong trạng thái yêu và say mê. Thời gian dành để băng khuâng và buồn đau quá ít. Bóng hồng này đi qua chưa lâu lại đã có bóng hồng khác tới.

- Ngày xưa, ông thường tỏ tình với những người phụ nữ của mình như thế nào?

- Ngày còn là cậu bé, say mê chị Vinh, tôi viết những vần thơ tình đầu tiên để mỗi dịp về quê lại dúi ngay vào tay chị. Những lần như thế, chị lại thận trọng đút vào túi áo. Tôi biết là chị Vinh hiểu rõ tình cảm của tôi.

Còn những mối tình về sau là do các bà ngỏ lời trước. Cũng có những lúc vì nguyên nhân này nọ tôi phải từ chối nhưng thường thì họ cứ tỏ tình là tôi đồng ý luôn.

- Trong cuộc đời mình, mối tình nào khiến ông phải hối tiếc, ân hận?

- Đó là chuyện tình với cô Ninh. Mối tình này ập đến khi tôi đã có vợ con để huê. Nhưng cuộc hôn nhân đầu tiên không xuất phát từ tình yêu mà do mẹ thầy sắp đặt và ấn định ngày cưới từ khi 17 tuổi.

Ninh là một người xinh đẹp, sắc sảo, con gái của một gia đình địa chủ giàu có, chúng tôi đã quen biết nhau từ trước. Nhưng đến năm 1942, trong những ngày về Tiên Du (Bắc Ninh) với ý định nhờ Ninh đóng vai Kiều Loan, tôi mới thực sự mê cô ấy. Sau 3-4 chuyến đi đi về về giữa Hà Nội và Bắc Ninh, tôi đã chinh phục được cô Ninh. Ngày đó Ninh đẹp, thông minh, có nhiều gia đình thanh thế giàu có dạm hỏi. Nhưng mà Ninh từ chối hết để nhận lời tôi. Bởi vì tôi ngâm thơ rất hay, nhất là những đoạn trong kịch thơ Kiều Loan. Tôi còn đẹp trai nữa, nhất là khi diện complet, đi giày tây vào thì trông oách lắm. Từ đó, thỉnh thoảng tôi lại lặn lội từ Hà Nội về Bắc Ninh thăm Ninh. Ban ngày chúng tôi xuống làng chơi, còn ban đêm, nhất là những đêm trăng sáng thì đi dạo với nhau, lãng mạn vô cùng.

Nhưng con gái có thì, cũng đến lúc Ninh phải lấy chồng, mà không thể lấy một người đàn ông đã có vợ con như tôi. Năm 1944, cô ấy rủ tôi bỏ trốn vào Sài Gòn nếu còn muốn duy trì mối tình oái oăm này. Đó là những tháng ngày tôi phải đấu tranh với bản thân rất quyết liệt. Bỏ đi là hành động đúng theo tiếng gọi của trái tim nhưng con người ta đâu chỉ có một tình yêu, mà còn biết

bao mối quan hệ ràng buộc. Tôi còn bố mẹ già, vợ và con thơ. Đó là chưa kể, cuối năm đó hàng triệu người Việt Nam đang lâm vào cảnh chết đói. Trong lúc cả đất nước đang phải chống chọi với cái chết, tôi đâu đành bỏ tất cả vì hạnh phúc riêng tư. Chúng tôi chia tay nhau. Về sau cô ấy lấy chồng ở Hà Nội. Ông Trời cũng éo le. Trong những ngày tháng ăn ở với tôi, cô ấy không có mang. Nhưng khi lấy chồng, cô ấy đẻ một mạch 7-8 đứa con. Đến lần sinh nở cuối cùng thì cô ấy bị băng huyết và chết khi mới gần 40 tuổi. Đó là một cuộc tình vừa gây thương tiếc, vừa ân hận dẫu rằng nếu có quay ngược thời gian, tôi cũng không thể làm cách nào khác được. Cuộc chia tay ấy là tất yếu, như định mệnh vậy.

- Những mối tình thực trong cuộc đời ảnh hưởng thế nào đến thơ ca của ông?

- Thơ tôi thường nảy sinh từ những mối tình có thật trong đời. Tôi liên miên sống trong tình yêu, có những mối tình trở nên ám ảnh, khiến cho những bài thơ của tôi bật ra một cách tự nhiên và kỳ lạ như từ trong vô thức. Cũng có những bài thơ tôi làm có ý thức hẳn hoi nhưng cũng bắt nguồn từ những tiếc nhớ, yêu thương rất đỗi thật lòng dành cho một người phụ nữ nào đó.

- "Nhớ mưa Thuận Thành/Long lanh mắt ướt/Là mưa ái phi/Tơ tầm óng chuốt/Ngón tay trắng nuốt/Nâng bông Thiên Thai..." (Mưa Thuận Thành). Đây là những câu thơ rất giàu nhạc điệu, nghe như chính tiếng mưa rơi. Vậy theo ông, nhạc điệu có vai trò như thế nào trong thơ?

- Nhạc điệu có vai trò rất quan trọng trong thơ tôi. Tôi học được điều này từ Verlaine (nhà thơ Pháp). Khi bàn về thơ, ông cho rằng: "Nhạc điệu trước hết". Tôi luôn chăm chú đến nhạc điệu trong những vần thơ của mình. Và trong thơ tôi, nhạc điệu cũng vang lên một cách rất tự nhiên chứ không phải gượng ép, chấp nối. Nó như là thứ đã hình thành sẵn trong lòng mình.

- Trong số các tập thơ của mình, ông thích nhất tập nào?

- Về Kinh Bắc. Tôi từng nói với các nhà phê bình là muốn nghiên cứu về thơ Hoàng Cầm, chỉ cần mỗi tập thơ đấy thôi cũng đủ. Còn những thứ khác, có cũng tốt còn không thì cũng không sao. Tất cả đặc điểm, tính chất và linh hồn thơ Hoàng Cầm nằm cả trong Về Kinh Bắc.

- Ông nghĩ thế nào về thơ trẻ ngày nay?

- Thú thật là bây giờ tôi ít đọc hơn. Phần vì ốm đau, phải nằm một chỗ nên ít có cơ hội tiếp xúc thường xuyên với báo chí; phần vì tôi cũng tránh đọc. Bởi tôi không đọc thơ một cách dửng dưng mà phải suy nghĩ nhiều nên rất mệt.

Khi làm thơ về tình yêu, tôi không ngại bất cứ điều gì cả, kể cả việc đề cập đến tính dục. Còn hiện tượng nhà thơ, nhà văn trẻ viết về sex dung tục như hiện nay thì đó là những người không mang tâm hồn thi sĩ thực sự, có thể chỉ vì họ muốn nổi tiếng bằng cách tạo nên một điều gì khác lạ.

Nhiều khi gặp những câu thơ hay những câu văn "gợn", tôi thường bỏ đi mà không đọc tiếp nữa.

- Ông có những ấn tượng như thế nào với những nhà thơ cùng thời như Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Lưu Trọng Lư, Văn Cao...?

- Thực ra, khi tôi mới vào nghề văn, những người như Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Lưu Trọng Lư... đã rất nổi tiếng. Tôi cũng thích làm bạn với họ lắm nhưng không dám vì thấy mình còn quá non nớt. Nói chung đối với những tác giả này, lúc bấy giờ tôi rất phục nhưng chỉ dám "kính nhi viễn chi".

Văn Cao là bạn thân của tôi, nhưng thơ tôi và thơ ông khác nhau nhiều lắm. Tôi chú trọng đến nhạc điệu, trong khi Văn Cao không cần đến âm điệu, không cần đến vần. Thơ ông giàu ý tưởng, tư tưởng. Văn Cao là người thâm trầm, ít nói nhưng có rất nhiều tâm nguyện sâu xa.

## Thi sĩ Hoàng Cầm: 'Hoàng tử lãng du' Bình Như

Ông nằm đó, nghiêng nghiêng trên chiếc giường nhỏ, thân hình mỏng tang, mái tóc như những sợi cước trắng xoã dài trên gối. Căn gác nhỏ trên cùng tầng 5 của ngôi nhà 43 Lý Quốc Sư mệnh mang nắng, gió...

Ông nằm miên man, đôi mắt đẹp chan chứa nỗi u sầu giờ hồ hững khép mở. Mặc cho ngoài kia cuộc sống đang ào ào gấp gáp và sôi sục, mặc cho thiên hạ đan díu nhau trong bể trầm luân của kiếp người. Ngày lại ngày thi sĩ lãng du chìm đắm trong cõi miên viễn, trong những giấc mơ, những hoài niệm tưởng chừng không dứt, và trong cả sự chiêm lặng một cách vô thường của thời gian. Thi sĩ của những tuyệt phẩm thơ *Bên kia sông Đuống, Lá diêu bông, Mưa Thuận Thành...* từ lâu đã bước quá tuổi "cổ lai hy", chẳng biết trước thời gian sống trên đời còn lại ngắn hay dài. Khi tôi bước lên căn gác nhỏ cheo leo trên tận cùng của ngôi nhà nơi thi sĩ Hoàng Cầm nằm tĩnh bệnh, ông giật mình nhòe dậy. Như một người luôn nửa tỉnh nửa mê trong miên man ngày, miên man đêm của ba năm trời nằm trên giường bệnh mà hiếm lần bước chân ra khỏi bên ngoài cánh cửa, ông trở nên chơi vơi trong cái bùng thức của cuộc viếng thăm không hẹn trước này. Ông khó nhọc trở mình, đôi mắt u sầu lấp lánh một thoáng vui nhen lên trong khoảnh khắc. Đôi môi đỏ trên làn da sáng mịn khẽ nhếch lên mỉm cười. Ông hoạt bát trở lại, dường như bao nhiêu sự thông thái, am tường và mẫn cảm trong con người ông lại tụ về. Ông như người thiên định trong cõi thực, như người nhắm mắt lãng quên thực tại, lãng quên bản thân.

Ông thì thầm: "Đó cũng là một cách ta giúp cho mình khoẻ mạnh hơn, dưỡng cho mình chút sức tàn còn lại. Nếu không làm vậy, ta làm sao đủ sức trụ tới hôm nay. Ta nằm ở đây không biết bao lâu rồi. Thời gian đối với ta là cực hình, ta thấy sợ và căm ghét nó bởi chúng trở nên thừa thãi quá, dài quá, quá lê thê. Cuộc sống của ta như người bị thời gian và cuộc đời lãng quên rồi". Ông nói vậy rồi lại mỉm cười, trở mình cuộn tròn trong chiếc chăn len mỏng. Tôi thấy ở nơi khoe mắt sâu của thi sĩ là những giọt nước mắt long lanh hoen ướt. Ông chỉ cho tôi chốn riêng của mình trên tầng cao chót vót của ngôi nhà và bảo rằng các con ông vừa gọi ý chuyển ông lên đây độ 4 tháng nay. Các con thương ông, muốn ông được yên tĩnh. Ở trên này là tum của ngôi nhà, phía bên ngoài để sân phơi quần áo, ông ở trong gian nhà này được cái có nhiều nắng, gió, ngó ra cửa là ngắm nhìn thiên nhiên, trời trong mây trắng. Tôi nghe ông nói mà thoáng chút xót xa. Có thể với cá nhân tôi, thi sĩ Hoàng Cầm đã thuộc về một giá trị vĩnh hằng của thi ca Việt Nam, trong tiềm thức của tôi, ông là hoàng tử lãng du của thi đàn Việt Nam. Vì vậy giờ đây nhìn ông trên chiếc giường mỏng, đôi mắt u sầu đã khép nhẹ, đôi môi đỏ thắm trên gương mặt trắng xanh, xung quanh là bao la mây trời, tôi cứ thấy nghèn nghẹn.

Ở đây thật yên tĩnh, bởi ông gần như được tách biệt hẳn cái cuộc sống sôi động thường nhật. Ông có thể không cần phải lắng nghe những âm thanh của cuộc sống giờ đã thuộc về một thế giới khác. Khi tất cả những thứ đó không còn cần cho ông nữa, ông không thuộc về nó nữa thì cách tốt nhất là xa rời, là lãng quên.

Ông giờ đã một nửa là người của cõi thiên thu, của cõi phiêu bồng, một nửa còn lại vẫn còn vương vấn dan díu và duyên nợ với đời thực. Một nửa tỉnh dậy với những cuộc viếng thăm đột ngột, của những nghĩa vụ và bổn phận với gia đình, cháu con. Còn lại là khoảng thời gian vô định, khoảng không gian bát ngát để cho hồn thi sĩ của ông chấp chót mơ thực tự do bay lượn. Ông than thở rằng không biết vì sao thượng đế giận ông gì mà còn chưa mang ông về trời. Nói vậy thôi chứ lúc này đây, ngẫm lại một cuộc đời dài bất tận của mình, ngẫm lại những thăng trầm bể dâu của số phận cuộc đời, số phận sáng tác, Hoàng Cầm không thể không cảm ơn đời đã sinh ra ông, một lãng tử tài hoa, một kẻ sĩ tinh bạc nhất, một người luôn được sống trong cơn say của những mối tình thơ mộng.

Và may mắn lớn nhất mà số phận đã ban cho ông đấy là những bài thơ ông để lại cho đời. Những bài thơ ông từng tiết lộ rằng nó đã vang lên bằng một giọng tiên nữ, giọng thân linh trong cõi kỳ bí vô thức mà ông chỉ là kẻ chép thơ của cõi vô hình ấy. Với người khác, có thể những câu thơ được hoài thai trong một thời gian dài, và ngay cả khi sinh ra nó cũng nhọc nhằn, khó khăn như bản thân cuộc sống của người thi sĩ.

Nhưng với Hoàng Cầm, những bài thơ nổi tiếng nhất của ông thì cũng là những bài thơ ông viết nó một cách nhẹ nhõm nhất, nhanh nhất và dễ dàng nhất. Ông đã chép lại nó trong cõi vô hình. Trong tình yêu, chàng hoàng tử đa tình Hoàng Cầm là người may mắn. Ông trời ban cho ông cái đa tình si mê từ khi ông chỉ mới lên 8 tuổi. Cả một cuộc đời, một cõi người, ông là chàng thi sĩ hào hoa và lãng du, chàng hoàng tử với cây đàn thơ linh diệu rong ruổi trên trường đời với **bao nhiêu tâm tình** say mê của những người đẹp.

Từ chị Vinh với chiếc váy Đình Bảng buông chùng cửa võng, rồi Tuyết Khanh, một giai nhân đóng vai nữ chính trong vở kịch *Kiều Loan* của ông sau một năm say đắm đã ra đi cùng với cô con gái hiện giờ ở Mỹ. Người vợ hiền tay ấp má kề sống cùng ông trọn kiếp người. Rồi đến cô Ninh người đóng vai Kiều Loan sau Tuyết Khanh, một tình yêu dữ dội nhưng đa đoan bởi vướng những rào cản và hệ lụy của cuộc hôn nhân mà Hoàng Cầm đã ràng buộc... Nhiều lắm những người đàn bà đã đến rồi đi trọn cuộc đời thi sĩ. Ông không tài nào nhớ hết được bởi mỗi tình này chưa kịp lãng quên thì mối tình khác đã đến. Người tình này ra đi thì người mới đã về. Dẫu vậy đã 22 năm trôi qua, ông là thi sĩ đa tình nhưng cô đơn. Trước khi ngã bệnh, ông thú nhận rằng, 19 năm rồi kể từ ngày vợ ông mất, thi sĩ Hoàng Cầm mòn tay đi tìm người đàn bà cho riêng mình, nhưng ông chỉ có thể ôm mỗi tờ vương mà chiêm ngưỡng vẻ đẹp thánh thiện của nàng thơ mà không sao với tới nàng được.

Hoàng Cầm ví tình yêu tựa như vì sao cô đơn trên bầu trời mà ông chỉ có thể ôm mỗi mộng mơ được chạm tay vào vì sao kia, cho dù ông sẽ bị chính thứ ánh sáng huyền hoặc nhưng khốc liệt của tình yêu thiêu đốt. Có lẽ vậy mà thơ ông luôn phủ một lớp sương buồn, một khát vọng không thoả. Hoàng Cầm kể trong đời tình vô số của ông có 5 người đàn bà để lại 5 mối tình khiến ông đau đớn nhiều nhất mà ông không thể nào quên được.

Trong đó, ám ảnh không kém gì người đàn bà trong *Lá diêu bông* là một người đàn bà khác giấu áo bụi trần đi tu mà không nói với Hoàng Cầm lấy một lời: “Cõi mê xưa đã trôi veo / Nhớ chẳng chẳng nhớ hồn theo bụi nào / Có thời gái noãn hồng đào... Đừng thương em nữa vui càng sinh đau / Chuông thiên xa đổ nhịp mau / Bóng anh thấp thoáng chìm sau mai vàng”.

Tôi hỏi thi sĩ Hoàng Cầm về những bài thơ mới. Ông buồn bã lắc đầu. Có lẽ đến 3 năm lại đây, kể từ ngày ông ngã bệnh, ông không buồn làm gì nữa ngoài ý nghĩ về cái chết. Ông mong cho ngày đó đến thật gần, trong một sớm heo may rừng mình, hồn ông bay vút vào cõi thinh không. Bởi ông không muốn chịu đựng thêm nữa, những cơn đau, sự mệt mỏi triền miên. Bởi ông không muốn bị giày vò thêm nữa cái khát khao được sống, được sáng tạo, được cống hiến cho đời đã trở nên “lực bất tòng tâm”. Ông không giấu được nỗi buồn phiền trong giọng nói, trong câu chuyện thăm thì. Ông sợ thời gian, sợ sự thanh vắng cô quạnh. Các con cháu dù chăm sóc ông hết lòng nhưng không phải lúc nào cũng rồi việc để có thể bên cạnh ông cả ngày. Bạn bè thân hữu người mất người còn đều bận bịu không phải lúc nào cũng ghé thăm ông được. Mà làm thơ thì ông không còn khả năng nữa.

Tất cả đã lụi tàn, đã ráo hoảnh, đã kết thúc. Chữ nghĩa không còn trở về, không còn thăm thì vang lên thăm thẳm bên tai ông trong những đêm dài. Những thanh âm xưa giờ đã ngủ quên trong sâu thẳm ký ức. Sẽ không trở lại, tất cả những gì đã đi qua, và cái quan trọng là bản thân Hoàng Cầm cũng không muốn níu kéo hay đánh thức.

Giờ đây, ông đã yếu mệt, cuộc sống đo đếm từng giờ phút, kéo lại làm chi cái sứ mệnh ông đã hoàn tất. Số phận sáng tác của một thi sĩ Hoàng Cầm đã hoàn tất một cách may mắn. Có thể với những con người khác, những nhà thơ khác, so với ông họ có một số phận may mắn hơn nhiều, một cuộc đời sung sướng hơn nhiều.

Thi sĩ Hoàng Cầm không có cái may mắn của cuộc đời, không có cái may mắn của cuộc sống. Nhưng ông là một thi sĩ có số phận sáng tác cực kỳ may mắn. Đối với thi sĩ, không có gì ý nghĩa

hơn, tuyệt vời hơn, quý giá hơn bằng những câu thơ còn lại với đời ngay cả khi bản thân họ đã tan vào cát bụi.

Tôi biết, tất cả chúng ta cùng biết, rồi một mai, khi nhắc đến Hoàng Cầm, chỉ còn lại là những câu thơ vang lên hào sảng, những câu thơ hào hoa của chàng hoàng tử lãng du ám ảnh hậu thế bởi vẻ đẹp hư thực, bởi nguồn ánh sáng linh diệu phía sau những ngôn từ, bởi vẻ đẹp sang trọng hàm chứa cái sức nặng “trăm đầy một nổi phương Đông”. “Sông Đuống trôi đi / Một dòng lấp lánh / Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kỳ”

“Những cô hàng xén răng đen/ Cười như mùa thu toả nắng”

"Vất áo nghe thâm tiếng vãi kê/ Một con mèo mướp đuổi chân chiều / Ta con bê vàng lạc dáng chiều xanh đi mãi tìm sim chẳng chín /Ta con chào mào khát nước về vườn xưa hạt nhãn đã đậm mầm /Ta con chim cu về gù rặng tre đưa nắng ấu thơ về sân đất trắng”.

Hoàng Cầm nói rằng ông không làm được thơ nữa, tất cả đã lịm tắt trong tâm hồn đa sầu đa cảm của người thi sĩ. Thế nhưng ông thú nhận thỉnh thoảng ông nằm mơ màng như vậy và đọc lại những câu thơ xưa của mình. Trí nhớ của ông giờ đã kém, nhớ nhớ quên quên nên ông không đọc được trọn vẹn một bài thơ nào cả.

Chỉ là những câu thơ tự nhiên trở về, tự nhiên vang lên, ông nghe lại, nhắm lại rồi ứa nước mắt vì sung sướng. Ông nói rằng những câu thơ của ông thi thoảng trở về đánh thức ông lão già nua đau ốm trong ông và động viên ông rất nhiều. Chỉ còn lại là những câu thơ như một sự an ủi mình lớn nhất. Ông có thể nương náu vào đấy mà trường kỳ chiến đấu qua cơn bạo bệnh.

Chiếc xe lăn của những bạn hữu yêu quý ông giờ cũng đã nằm yên trong góc nhà bởi ông không còn đủ sức đi dạo phố phường và ngắm thiên nhiên được nữa. Tôi cứ thấy nao lòng khi mừng tượng cảnh một ngày nắng lụi, thi sĩ Hoàng Cầm, chàng hoàng tử lãng du, người không thể cưỡng lại được số mệnh, quy luật muôn đời của con người là “sinh - lão - bệnh - tử”, rồi cũng sẽ từ bỏ chúng ta, từ bỏ những người đắm đuối thơ ông, để khoác đôi cánh thiên thần bay về trời, để lại những mối tình sầu, những câu thơ mê đắm trong lòng người.



“Nếu anh còn trẻ như năm ấy / Quyết đón em về sống với anh / Những khoảng chiều buồn phơ phất lại / Anh đàn em hát níu xuân xanh / Nhưng thuyền em buộc sai duyên phận / Anh lụy đời quên bến khói sương / Năm tháng... năm cung mờ cách biệt / Bao giờ em hết nợ Tầm Dương / Nếu có ngày mai anh trở gót / Quay về lãng đãng bến sông xa / Thì em còn đấy hay đâu mất / Cuối xóm buồn teo một tiếng gà...”.

## Những bài thơ mới của Hoàng Cầm Triệu Xuân

Nhà thơ Hoàng Cầm, tác giả của bài thơ nổi tiếng Bên kia sông Đuống, và rất nhiều bài thơ hay khác. Thế mà có một bài thơ tình tuyệt hay, làm năm 1953, đã in trên một tờ báo ở Hà Nội năm 1958 (tờ báo này sau đó... đình bản). Rất ít người được đọc bài thơ này! Một người bạn của tôi kể: “Khi tôi vớ được tờ báo kia, bài thơ đã gây ấn tượng quá mạnh, tôi phải chui vào đọc lén ở trong... nhà tắm! Đọc hai lần là tôi thuộc ngay, thuộc rồi không bao giờ có thể quên được nữa!”.



Bài thơ được viết ra từ năm 1953, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Pháp đang ở giai đoạn ác liệt nhất. Hoàng Cầm sáng tác bài thơ cách nay 48 năm, nhưng bố cục, ngôn từ rất hiện đại, nó như một cuốn tiểu thuyết cô đặc lại. Trong kho tàng thơ kháng chiến, nếu chọn ra mười bài thơ tình hay nhất thì bài thơ sau đây phải nằm trong số đó:

## Mới

*Đôi vợ chồng mới cưới  
Sáng dậy giặc bủa vây  
Đôi lứa xuống hầm bí mật*

*Tiếng cuốc bở miệng hầm bần bật  
Như quý nhập tràng  
Nặng nắp áo quan  
Dựng người còn sống  
Một mũi kim luồn nhanh qua xương sống*

*Người vợ lao lên  
Một tràng đạn tiểu liên  
Im lặng*

*Mười năm sau  
Người chồng đi lấy vợ  
Anh nói như người say  
Trên vai mềm vợ mới:  
“ Một suối máu hôm qua  
Nở thành em hôm nay  
Yêu nhau sao cho vừa  
Cho xứng với tình cao cả ngày xưa”*

*Người sống nói nhiều  
Người chết không nói nữa  
Từ nơi vô cùng chỉ gặt đầu cườì nụ  
Trên nắm xương gửi lại đã tàn dần...*

Đúng chất Hoàng Cầm, tình cảm nén chặt, càng nén càng như chực bùng lên, dữ dội. Ngôn từ thì cô đặc như cao, quá kiệm lời, chỉ có 123 từ kể cả tựa đề! Điệu thơ từng từng, từng từng nhưng lại cứ như mũi khoan xoáy vào tâm hồn, tẩm lòng người ta. Bài thơ Mới đúng là một cuốn tiểu thuyết đã được rút gọn đến tận cùng, không thể nào gọn hơn được nữa: Chồng là bộ đội, vợ là du kích. Giữa hai trận chống càn, họ cưới nhau. Đêm tân hôn chưa trọn thì giặc bất ngờ bủa vây. Họ xuống hầm bí mật. Bọn giặc có kẻ phản bội đã cuốc đúng hầm của họ. Tiếng cuốc bần bật như quý nhập tràng nặng nắp áo quan để dựng người còn sống. Trong tình thế ấy, con người không khỏi run sợ: Một mũi kim luồn nhanh qua xương sống. Sự sợ hãi tất yếu nhưng chỉ trong khoảnh khắc mà thôi. Ngay sau đó, người vợ tung nắp hầm lao lên quyết tử với giặc. Tại sao lại là vợ chứ không phải chồng? Người phụ nữ Việt Nam vốn có truyền thống anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang, sẵn sàng hy sinh cho tình yêu, cho chồng, cho con, cho Tổ quốc. Người vợ đã thuyết phục chồng để lao lên, hay là đã giành phần hy sinh để cứu chồng? Không ai biết đích xác, tác giả không kể lại đoạn đối thoại ở dưới hầm của đôi vợ chồng mới cưới. Chỉ biết rằng, khi người vợ bật nắp hầm lao lên thì một tràng đạn tiểu liên đã xối xả biến người nữ du kích anh hùng ấy thành suối máu. Suối máu chảy tràn xuống người chồng, dòng máu ấm nóng ngập tràn, cuộn cuộn yêu thương, dòng máu anh hùng... Mười năm sau, những mười năm chứ không phải

là ba năm sau khi mãn tang, người chồng đi lấy vợ. Mười năm ấy, anh đã sống trong nỗi đau vô cùng vô tận. Thế nên khi đi lấy vợ, trong đêm tân hôn, Anh nói như người say. Trên vai mềm vợ mới: "Một tuổi máu hôm qua. Nở thành em hôm nay. Yêu nhau sao cho vừa. Cho xứng với tình cao cả ngày xưa"! Tưởng như không còn lời nói nào chân thành hơn, tha thiết hơn trong giây phút đó. Tình yêu mãnh liệt mười năm trước không bao giờ chết, nó bất tử, nó hóa thân vào tình yêu mới. Hạnh phúc hôm nay đã phải đổi bằng bao nhiêu mắt máu đau thương. Những người đang sống phải sống làm sao cho ra sống, cho xứng đáng với sự hy sinh của những người đã khuất. Người sống nói nhiều. Người chết không nói nữa. Từ nơi vô cùng chỉ gật đầu cười nụ. Trên nắm xương gửi lại đã tàn dần... Hai câu đầu của đoạn cuối bài thơ như triết lý về sự tất yếu. Câu cuối cùng của bài thơ vẫn là một nốt nhấn đau thương. Thế nhưng nụ cười của người nữ du kích anh hùng năm xưa thì còn mãi mãi với đất trời sông núi cỏ cây, còn mãi mãi với thời gian, với kiếp người, để nhắc nhở, để nâng đỡ và hy vọng...

*Xanh xanh lại mùa ảo vọng  
Óng thom dài mái tóc em  
Lênh đênh lại dềnh biển sóng  
Bốn phương mây trắng nổi niềm  
Hễ nói đến quên lại nhớ  
Nhớ nhiều sao chỉ về đêm  
Giác ngủ còn gì để thức  
Toàn thân bụi đỏ thoa mềm  
Ai vừa cười nụ bên thềm  
Vườn cũ bông hồng rạng sáng*